TS. NGUYỄN HOÀN LỤC

Những BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

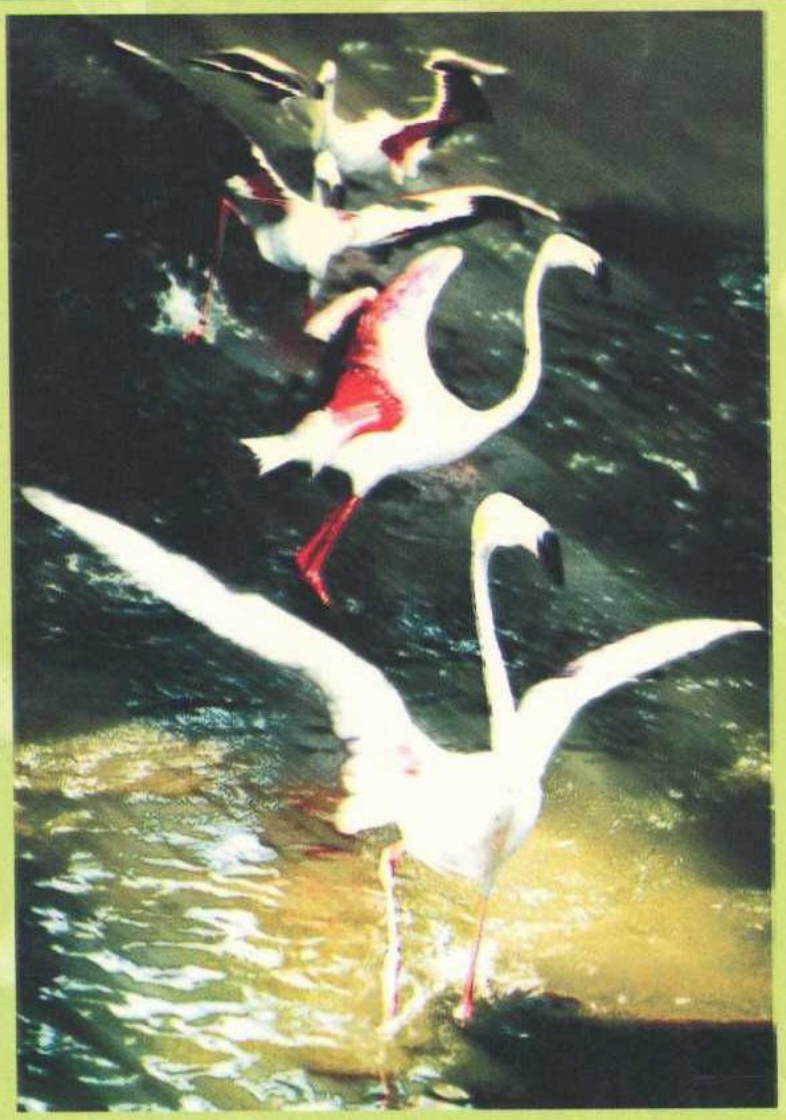

Lớp 10

* Tự sự
* Thuyết minh
* Nghị luận

ĐHQG Hà Nội

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Những

BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU
LỚP 10

TS. NGUYỄN XUÂN LẠC

Những
BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU
LỚP 10

- Tự sự
- Thuyết minh
- Nghị luận

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 10 thân mến,

Chương trình Làm văn lớp 10 gồm ba kiểu bài *tự sự, thuyết minh, nghị luận* nhằm củng cố lại những điều đã học ở trung học cơ sở đồng thời mở rộng nâng cao thêm những kiến thức và kĩ năng mới ở trung học phổ thông. Hai kiểu bài *tự sự* và *thuyết minh* được học kĩ để hoàn chỉnh ở lớp 10, còn *nghị luận* sẽ được học tiếp ở lớp 11 và 12 để hoàn chỉnh vào cuối cấp học.

Ở lớp 10, các kiểu văn tự sự, thuyết minh và nghị luận đều có nhiều *dạng đề mới* với những yêu cầu cao hơn, đòi hỏi làm bài phải đúng quy cách và có sáng tạo. Vì vậy, rất cần những bài làm văn để các em hình dung mức độ, các dạng bài và nhất là cách viết từng dạng bài cụ thể. Đó là lí do chúng tôi biên soạn cuốn sách **Những bài làm văn tiêu biểu lớp 10** như những ví dụ cụ thể, dễ hiểu nhằm giúp các em có thể dựa vào đó mà sáng tạo ra những bài viết của riêng mình.

Cuốn sách gồm 4 phần với 33 bài làm văn cơ bản ở lớp 10:

- Các dạng bài viết về phát biểu cảm nghĩ (ôn lại THCS): 5 bài.
- Các dạng bài viết về văn tự sự: 10 bài.
- Các dạng bài viết về văn thuyết minh: 15 bài.
- Các dạng bài viết về văn nghị luận: 3 bài.

Các bài làm văn này theo định hướng chương trình và sách giáo khoa lớp 10 mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm giúp các em làm tốt các bài viết trong năm học, góp phần rèn luyện thêm kĩ năng viết các kiểu bài nói trên. Đầu mỗi phần có lời hướng dẫn để các em tìm hiểu các bài văn cụ thể.

Hi vọng cuốn sách có thể giúp ích thiết thực cho các em trong việc học phần Làm văn để viết các bài làm văn đạt kết quả mong muốn.

TÁC GIẢ

PHẦN I

CẢM NGHĨ VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG (HOẶC MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC)

HƯỚNG DẪN

Đây là kiểu văn **biểu cảm**. Bài làm cần đạt được những yêu cầu:

- Cảm nghĩ phải xuất phát từ một hiện tượng đời sống hoặc một tác phẩm văn học (do đề bài quy định).
- Cảm nghĩ phải chân thực và phong phú, gợi được sự đồng cảm ở người đọc.
- Dùng văn phong trữ tình (văn phong nghệ thuật) để viết bài văn.
- Câu viết giàu hình ảnh, nhịp điệu phù hợp, ngôn ngữ chọn lọc.
- Tránh những cảm nghĩ chung chung, sáo mòn, không có giá trị biểu cảm.

Dưới đây giới thiệu 5 đề và bài làm: 3 đề cảm nghĩ về đời sống, 2 đề về tác phẩm văn học.

ĐỀ 1

Cảm nghĩ của em trong những ngày đầu tiên bước vào trường trung học phổ thông.

BÀI LÀM

Thế là từ năm học 2005 - 2006 tôi đã là một học sinh của trường trung học phổ thông huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, không còn là một cậu bé học sinh trường làng hồi tiểu học hay một học sinh trường trung học cơ sở xã Phụng Công như mấy năm trước.

Hè vừa rồi, đỗ tốt nghiệp THCS vào loại giỏi, tôi được tuyển thẳng vào lớp 10 trường huyện. Đó là mùa hè cuối cùng của tuổi thiếu niên hiếu động, tinh nghịch. Bờ đê lộng gió và nắng với những bãi ngô xanh rờn là nơi tôi cùng lũ bạn tập trận giả "quân xanh" đánh nhau với "quân đỏ", và sau đấy là những cuộc tắm táp, vùng vẫy thỏa thích trong dòng nước mát của sông Hồng "đỏ nặng phù sa" ...

Nhưng bây giờ tôi đã lớn. Xin tạm biệt tuổi thơ hồn nhiên để bước vào trường trung học phổ thông của huyện. Hình như cái gì đối với tôi cũng đều mới mẻ, khác với trước. Mẹ tôi ra tận phố Nối mua cho tôi một bộ quần áo mới hợp thời trang, bố tôi đèo tôi bằng xe máy ra Hà Nội để sắm cặp, sách vở và đồ dùng học tập, thưởng cho tôi một cái máy tính mà tôi đã mơ ước từ lâu. Đến trường, tôi không đi bộ như lúc học lớp 9 ngay xã nhà mà đi bằng xe đạp lên trường huyện cách 15 cây số cùng mấy đứa bạn trong làng. Hôm khai giảng, tôi mặc bộ quần áo mới, đeo một cặp sách nặng sau lưng, dắt chiếc Mifa màu xanh ngọc ra cổng dưới con mắt nhìn khâm phục và thèm muốn của đứa em gái mới vào lớp 6. Tôi đã thành người lớn, đã là một học sinh THPT của trường huyện – trường lớn nhất và đẹp nhất của huyện Văn Giang ...

Cái cảm giác "người lớn" ấy càng rõ hơn khi tôi cùng lũ bạn đạp xe nhanh như gió, và đoàn xe sắt ấy băng băng như con tuấn mã ra khơi trong bài "*Quê hương*" của Tế Hanh. Đi học trường huyện bằng xe đạp tung tẩy trong nắng sớm mai của đồng quê lộng gió thật thú biết bao, và cái cảm giác ấy theo tôi trên suốt quãng đường 15 cây số đến trường.

Nhưng khi đến trường, tôi bỗng cảm thấy mình như bé lại trước cái cổng trường bề thế mang dòng chữ đỏ đậm nét: "*Trường Trung học phổ thông Văn Giang*" và ngôi trường ba tầng khang trang in bóng trên thảm lúa xanh rờn. Lòng tôi bỗng ngân lên câu thơ của Huy Cận từ những năm nào:

Giờ náo nức của một thời trẻ dại
Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương!
Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường ...

Có phải chính mình cũng là "những chàng trai mười lăm tuổi" lần đầu bước vào cổng trường trung học phổ thông? Cái gì đối với tôi cũng lạ, cũng mới mẻ, mặc dầu tôi đã 9 năm cắp sách đến trường. Sân trường đông vui, tấp nập quá. Những biểu ngữ đỏ chữ vàng, chào mừng năm học mới nổi bật giữa những tán phượng xanh chỉ còn sót lại đôi chùm hoa đỏ của mùa hè. Các bạn học sinh đều mặc quần áo mới, gương mặt vui tươi, đôi mắt sáng long lanh. Trên hành lang, các thầy, cô đi lại vội vã, bận rộn, chuẩn bị cho lễ khai giảng sắp bắt đầu. Tôi ngước nhìn: toàn những thầy cô lạ tôi chưa hề biết mà chỉ nay mai sẽ dạy tôi. Một cảm giác vừa như sợ vừa cảm phục len lên trong tôi: thầy, cô nào sẽ dạy mình, thầy, cô nào sẽ làm chủ nhiệm lớp mình? Không biết mình sẽ được học với những thầy, cô hiền hay với những thầy, cô nghiêm? ...

Bỗng một hồi trống vang lên. Tôi nhanh chóng chạy đến vị trí tập trung của lớp 10A, lớp tôi được tuyển thẳng vào cùng với các bạn – quen ít mà lạ thì nhiều vì gồm học sinh của các

trường THCS trong toàn huyện. Một cô giáo còn trẻ, dáng người nhỏ nhắn thong thả bước đến đứng cạnh chúng tôi, trên tay cầm tờ danh sách lớp. Có tiếng thì thào nho nhỏ: "A! Cô giáo chủ nhiệm"; "Không biết cô dạy môn gì?"; "Hình như cô giáo người Hà Nội ...". Một cảm giác rất lạ bỗng trào lên trong tôi: tôi cảm thấy quý mến cô ngay từ phút đầu tiên cô đến với lớp và hình ảnh cô giáo trẻ trung, nhỏ nhắn ấy đã thành một ấn tượng không thể nào quên trong cái ngày đầu tiên tôi bước vào trường trung học phổ thông...

Tiếng hô "Chào cờ!" và quốc ca vang lên hùng tráng. Tôi thấy máu trong người chảy mạnh, tim đập nhanh trong cái giờ phút thiêng liêng ấy. Từ giây phút này, tôi đã là người học sinh của trường trung học phổ thông, tôi đã được chứng kiến một buổi lễ khai giảng trọng thể tại một ngôi trường khang trang, đẹp đẽ, tôi đã được sống trong một đại gia đình giáo dục ấm áp, thương yêu giữa những thầy, cô và các bạn mới. Những thầy, cô và các bạn ấy, tôi chưa hề gặp mặt mà sao như đã thấy quen thân, như có một sợi dây vô hình nào đã buộc chặt tôi với mọi người và sẽ gắn bó tôi mãi mãi với mái trường thân yêu này. Tôi hiểu đó là tình thầy trò thiêng liêng, tình bạn cao quý – những tình cảm đã nảy nở rất tự nhiên trong tôi từ lúc nào không biết nữa. Có lẽ nó đã có từ những ngày tôi học tiểu học, trung học cơ sở, nó cứ chắt chiu, gom góp, lớn dần, để rồi hôm nay khi tôi đã lớn, đã thành người học sinh trung học thì cái tình cảm ấy bỗng trào lên mãnh liệt như suối chảy thành sông và sông đổ ra biển lớn – biển yêu thương mà trường học đã cho tôi được đắm mình trong đó.

ĐỀ 2

Cảm nghĩ của em khi thiên nhiên và con người trong thời khắc chuyển mùa từ hạ sang thu.

BÀI LÀM

Những cơn dông cuối cùng của mùa hạ cũng thưa dần rồi tắt hẳn. Nắng không còn đổ lửa chói chang gay gắt như trước. Những chùm hoa phượng còn sót lại của mùa hè đã rụng lả tả trên sân trường như những cánh thư hồng theo gió bay đến người thương. Bản giao hưởng dài ba tháng của các ca sĩ Ve Sầu đã ngân lên chương cuối trước khi kết thúc.

Mùa thu đã đến với những bước chân nhè nhẹ, khẽ khàng như sương khói. Mơ hồ mà rõ rệt. Trong sáng mà mơ màng. Đằm thắm, dịu dàng mà bâng khuâng, man mác như thương nhớ ai, mong chờ ai. Bầu trời bỗng cao vút lên, xanh như ngọc, trong suốt đến lạ kì:

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

(Truyện Kiều)

Những sợi mây như những dải lụa trắng bồng bềnh, lơ lửng trên cao đang nô giỡn cùng gió. Mà gió thì hắt hiu, nhẹ như hơi may, chỉ đủ làm lay động những cành trúc mềm mại hoặc mở khẽ những cánh hoa còn e ấp dấu kín nhụy vàng thắm bên trong. Trong hơi gió đã nghe thấy cái rét "chớm lạnh" – cái rét dễ chịu của mùa thu đang về, thấm vào lòng người một nỗi niềm thương nhớ bâng khuâng... Mùa hè đã giữ lại màu xanh của lá để khoác lên bầu trời thu một chiếc "áo mơ phai dệt lá vàng". Những cây bàng mùa thu lá đỏ sậm bắt đầu rụng lả tả xuống

sân trường báo mùa khai giảng đã đến. Sương sớm đọng trên ngọn cỏ, cánh hoa như những viên ngọc long lanh, sương chiều giăng giăng mờ ảo trên những rặng liễu ven hồ như một tấm voan trắng choàng lên mái tóc xanh của thiên nhiên. Những cây sấu già bắt đầu rụng lộp độp quả chín xuống đường và những cô gái làng Vòng mặc áo tứ thân, chít khăn mỏ quạ gánh cốm đi qua mang theo hương vị thơm tho của đồng quê – hương vị mùa thu của đất nước.

Mùa thu là mùa tựu trường, mùa khai giảng. Cổng trường mở rộng. Học sinh nô nức đến trường. Cặp sách mới, vở mới, quần áo mới, khăn quàng đỏ thắm tươi. Tiếng trống khai giảng âm vang giục giã. Cờ đỏ sao vàng bay trong gió nắng mùa thu tươi đẹp, phấp phới trong triệu tấm lòng con trẻ tin yêu. Và những người thầy, từ bao năm rồi, khi mùa thu đến, lại mở lòng, dang rộng cánh tay đón những thế hệ học sinh mới vào trường...

Mùa thu cũng là mùa "chạm ngõ" của bao gia đình Việt Nam, bao đôi lứa yêu nhau nên vợ nên chồng. Thiên nhiên như cũng hiểu lòng người đã ban cho một mùa chuối tiêu trứng cuốc vàng thơm cùng với hồng trứng đỏ mọng và những gói cốm xanh rờn bọc trong lá sen Hồ Tây thơm ngát buộc bằng lạt đỏ chữ thập để gửi đến ngõ nhà người yêu, bày trên bàn tiệc cưới...

Mùa thu, với người Việt Nam, còn là mùa cách mạng. *Mùa thu đây, hỡi cờ hồng vàng sao!* (Tố Hữu). Đó là mùa thu Cách mạng tháng Tám long trời lở đất để làm một cuộc đổi đời cho dân tộc, mùa thu Quốc khánh vàng nắng Ba Đình Bác đọc *Tuyên ngôn Độc lập* để khai sinh ra một nước Việt Nam mới:

Trời bỗng xanh hơn, nắng chói lòa
Ta nhìn lên Bác, Bác nhìn ta
Bốn phương chắc cũng nhìn ta đó
Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa!

(Tố Hữu – *Theo chân Bác*)

Và cũng chính vào mùa thu, 24 năm sau, Người Cha già dân tộc, vị lãnh tụ thiên tài của nhân dân ta đã ra đi trong một nỗi niềm thương nhớ khôn nguôi và một lòng biết ơn sâu nặng của nhân dân ta đối với Bác.

Mùa thu – mùa của thiên nhiên, của đất trời, của lòng người, của dân tộc, của cách mạng, của Bác Hồ. Bao nhiêu cái hay, cái đẹp, ý nghĩa sâu xa đã dồn lại trong mùa thu. Làm sao có thể quên được mùa thu khi nó đã thấm sâu vào lòng nhân dân ta và đọng lại trong mỗi trái tim người Việt?

ĐỌC THÊM

ĐÂY MÙA THU TỚI

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh
Những luồng run rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ
Non xa khởi sự nhạt sương mờ
Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Mây vẩn từng không, chim bay đi
Khí trời u uất hận chia li
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

(Xuân Diệu)

SANG THU

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

(Hữu Thỉnh)

ĐỀ 3

Cảm nghĩ của em khi mùa xuân đến trên quê hương.

BÀI LÀM

Thế là lão già lụ khụ mùa đông đã ra đi, nhường chỗ cho nàng tiên Mùa Xuân đến trên quê hương em.

Thời tiết mùa xuân thật mát mẻ ấm áp. Trên không trung bao la vời vợi, các nàng mây rủ nhau đi dự tiệc sáng. Những cánh én chấp hình cánh cung thi nhau bay liệng trên nền trời trong xanh. Gió xuân hây hẩy đưa hương xuân đến mọi nơi. Hương xuân quyện vào mái tóc, len lỏi vào những nếp áo, nếp khăn của mọi người. Mưa xuân nhè nhẹ, lất phất rơi rơi tạo thêm cho cây cối một sức sống tràn trề, mãnh liệt. Cây đua cành, hoa đua sắc đâm chồi nẩy lộc. Hoa đào hồng nhạt mịn màng xòe năm cánh rung rinh, hớn hở trước gió. Hoa hồng nhung yểu điệu duyên dáng trong bộ xiêm y rực rỡ... Dường như tất cả đang khoe sắc và thể hiện sức sống mạnh mẽ của tuổi thanh xuân. Cây lá xanh tươi bây giờ khác hẳn với những ngày đông khô cằn, héo úa. Trên cành cây cao, mấy chú chim vành khuyên đang nô đùa nhảy nhót rồi cất cao tiếng hót thành một chuỗi nhạc không lời tặng mùa xuân. Trong vườn ong bướm rập rờn nô giỡn.

Mùa xuân đến, quê hương em như bừng tỉnh sau một giấc ngủ say nồng. Cảnh vật, con người và hình như tất cả đều tươi trẻ như xuân. Con đường làng trở nên đông đúc nhộn nhịp. Kẻ xuôi người ngược náo nức. Trẻ em vui tươi ca hát, được bố mẹ dẫn đi hội xuân trong những bộ quần áo đủ màu sặc sỡ.

Ôi! mùa xuân, mùa xuân như chính tuổi thơ của chúng em vậy.

Xuân ơi! Xuân lại đến rồi
Cho quê thêm tuổi cho người thêm vui
Cho em tiếng hát nụ cười
Vui xuân em thấy đất trời nở hoa.

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Học sinh Hoằng Hóa Thanh Hóa
(Theo *Những bài làm văn hay*, 1998)

ĐỀ 4

Truyện* Chiếc lược ngà *của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã gây xúc động mạnh trong người đọc.

Hãy nêu cảm nghĩ của em về truyện ngắn đó.

BÀI LÀM

"Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn viết về tình phụ tử sâu nặng của cha con ông Sáu thời kì chiến tranh. Đây là một truyện ngắn giản dị nhưng chứa đầy sự bất ngờ như ta thường thấy ở văn của Nguyễn Quang Sáng. Đoạn trích trong sách giáo khoa đã cho thấy một khoảnh khắc nhỏ mà hàm chứa sự cao cả thiêng liêng của tình phụ tử.

Truyện ngắn này được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Nội dung truyện là tình cha con và thông qua đó nói lên sự ngặt nghèo, éo le mà chiến tranh đem lại. Tuy đây là một đề tài muôn thuở trong văn chương nhưng sự khai thác một khía cạnh của nhà văn lại tạo nên giá trị nhân văn của truyện càng trở nên sâu sắc.

Truyện xoay quanh đề tài tình cảm cha con ông Sáu và tác giả Nguyễn Quang Sáng đã chú trọng đặc biệt đến nhân vật bé

Thu – một nhân vật có nội tâm đầy sự mâu thuẫn. Thu là một cô bé phải sống xa cha từ nhỏ. Tuy vậy trong tâm tưởng của Thu, hình ảnh người cha phải xa cách từ lâu luôn luôn tồn tại qua những tấm ảnh. Mặc dù yêu cha là thế nhưng khi gặp cha, Thu lại có những hành động mâu thuẫn với suy nghĩ của mình. Khi nghe tiếng ông Sáu gọi con, Thu đã không hề mừng rỡ như ông Sáu vẫn tưởng, nó "giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác, lạ lùng, chớp mắt nhìn như muốn hỏi", thậm chí "mặt nó bỗng tái mét rồi vụt chạy và kêu thét lên". Đều là những cử chỉ mà không ai ngờ tới – những cử chỉ thể hiện sự sợ hãi khác thường giữa cha và con. Không chỉ có thế, hành động của Thu còn chứa đầy sự lạnh nhạt và lảng tránh. Kịch tính câu chuyện được đẩy lên cao khi bé Thu nấu cơm. Nó góp phần tạo nên độ căng của mạch kể. Cái nồi cơm quá to, con bé cần có sự giúp đỡ của người lớn nhưng nó đã nhất quyết không chịu gọi ba, không chịu nhờ vả. Đỉnh điểm nữa là khi bé Thu cả gan hất cái trứng cá mà ông Sáu đã gắp cho. Đây là một hành động rất tự nhiên và hợp lí của Thu để qua đó, cá tính mạnh mẽ của cô bé dần được biểu lộ. Thương con là thế nhưng ông Sáu cũng không giữ nổi bình tĩnh, ông "vung tay đánh vào mông nó và hét lên sao mày cứng đầu quá vậy hả". Bị ba đánh Thu không khóc như ông Ba tưởng, nó chỉ lặng lẽ đứng dậy và sang nhà bà ngoại. Không ai hay, vì lẽ gì Thu lại cứng đầu đến thế. Thì ra nguyên nhân là vết sẹo trên mặt ba nó. Vết sẹo đó không có trong tấm ảnh mà mẹ đã đưa cho nó. Nó không chấp nhận bất cứ lời giải thích nào kể cả lời giải thích của mẹ nó. Quả là những suy nghĩ rất trẻ con nhưng chính điều đó đã làm cho câu chuyện trở nên rất thật. Đến khi nghe ngoại kể về vết thẹo của ba, nó "nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng thở dài như người lớn", tất cả như giúp Thu giải tỏa nỗi lòng mình nhưng bên cạnh đó, nó cũng rất ân hận và hối tiếc vì những ngày qua đã không chịu nhận ba. Cao trào của câu chuyện lại được đẩy lên một lần nữa vào thời điểm không ai ngờ

tới, khi ông Sáu chuẩn bị lên đường, bé Thu bỗng thét lên "Ba ... a ... a ... ba!". Tiếng kêu như xé, xót xa, tiếng kêu bật lên sau bao lâu kìm nén, chờ đợi khắc khoải. Cùng với những biểu hiện vội vã, hối hả, tác giả đã để Thu bộc lộ hết những tình cảm, nỗi nhớ thương dành cho ba và trong đó có cả sự hối hận. Đây như một chi tiết "biết nói". Không có chi tiết này câu chuyện sẽ mất đi hẳn một phần giá trị và sẽ trở nên nhạt nhẽo. Niềm vui sướng khi vừa tìm thấy tình cha con tưởng như không bao giờ còn thấy nữa, niềm sung sướng vượt ra ngoài sức tưởng tượng đã làm ông Sáu vô cùng cảm động. Những giọt nước mắt của ông đã vượt qua mọi khoảng cách khiến người đọc không thể cầm lòng. Về sau, khi đã trưởng thành Thu nối gót cha làm giao liên phục vụ cho kháng chiến cũng là vì cha, vì trả thù cho cha.

Qua nhân vật ông Ba, Nguyễn Quang Sáng đã dành cho Thu bao tình cảm quý mến và trân trọng. Ông cảm thông với cái ương bướng, cứng đầu của một cô bé chỉ vì vết sẹo chiến tranh trện mặt người lính từ mặt trận trở về mà một tiếng ba cũng không chịu gọi. Hình ảnh bé Thu "hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba", cùng với cử chỉ "dang cả hai chân cấu chặt lấy ba nó" mãi mãi là hình ảnh rất cảm động của tình cha con giữa thời máu lửa. Giây phút từ biệt ấy đã trở thành vĩnh biệt. Nỗi buồn từ câu chuyện đã làm ta càng thêm thấm thía sự ác nghiệt của chiến tranh.

Trong truyện, tác giả không chỉ chú ý tới tình cảm của nhân vật bé Thu mà tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu đã nhắc đến rất nhiều. Ngày ông đi bộ đội, Thu còn rất bé, nhưng tình cha con trong ông luôn tồn tại mãnh liệt. Lần nào vợ ông đến thăm ông cũng hỏi thăm con. Đây chính là sự yêu thương của người cha làm cách mạng xa nhà, không được gặp con. Khi về thăm nhà, những tưởng mong đợi được gặp con, được nghe con gọi ba từng giây từng phút đã được thực hiện nhưng

không, bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông, vết thẹo dài trên má – vết thương chiến tranh đã làm cho đứa con gái thương yêu bé bỏng không nhận ra người cha nữa. Khi không được đón nhận tình cảm, ông Sáu trở nên suy sụp, đau đớn và đáng thương. Trước sự ứng xử lạnh nhạt của bé Thu, ông vẫn luôn dành mọi tình cảm thương yêu cho con, trong ánh mắt của ông luôn tràn đầy tình phụ tử không bờ bến. Ông đã tìm mọi cách để sát lại gần con hơn, ông gắp trứng cá cho con nhưng khi cao trào của câu chuyện là Thu hất cái trứng cá đi thì ông đã không kiềm chế nổi, ông đã đánh con. Đánh con để giải tỏa những bức xúc tinh thần, điều đó càng chứng tỏ ông rất yêu con. Với ông, cái khao khát được gặp lại vợ con cũng không được trọn vẹn. Đó là bi kịch của thời chiến tranh. Lúc chia tay vợ con lên đường ông mới chỉ nhận được một khoảnh khắc hạnh phúc là khi bé Thu nhận ra ba mình và gọi một tiếng ba. Ông ôm con, rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con. Ông đã ra đi với nỗi thương nhớ vợ con không thể nào kể xiết, với lời hứa mang về cho con chiếc lược ngà và nỗi ân hận day dứt "vì sao mình lại đánh con" cứ đày vò ông mãi. Lời dặn dò của đứa con gái bé bỏng: "Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba" ông luôn cất kín trong lòng. Tất cả tình thương yêu của ông đã được dồn cả vào cây lược ngà tự làm cho con. Có khúc ngà, ông Sáu "hớn hở như bắt được quà". Chính qua chi tiết giàu sức gợi cảm này mà ta thấy được phút giây sung sướng đã khiến người cha như một đứa trẻ. Ông làm cho con chiếc lược ngà rất tỉ mỉ và thận trọng. Ông ngồi cưa từng chiếc răng, khổ công như một người thợ bạc. Làm xong lược, ông lại cẩn thận khắc dòng chữ "yêu nhớ tặng Thu con của ba". Tất cả những chi tiết trên đều làm ta vô cùng cảm động nhưng cảm động nhất có lẽ phải là chi tiết "anh lấy cây lược ngà mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt". Mỗi lần anh chải tóc ta lại liên tưởng đến một lần ông gửi gắm yêu thương vào chiếc lược nhỏ xinh. Nhưng không may là ông

Sáu đã hi sinh, nhưng tình phụ tử thì không thể chết. Lúc hấp hối, ông "đưa tay vào túi, móc cây lược" đưa cho ông Ba, nhìn hồi lâu rồi tắt thở. Tuy không một lời nói nhưng cái nhìn của ông Sáu quả thật đã chứa bao nỗi niềm ở bên trong, những nỗi niềm chưa được nói.

Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong truyện yêu thương con hết mực sẽ mãi còn. Chiếc lược ngà với dòng chữ sẽ mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, bi kịch của thời chiến tranh. Nó buộc người đọc chúng ta phải suy nghĩ về những đau thương, mất mát mà chiến tranh đã đem đến cho con người đang sống trên mảnh đất này. Qua đó tác giả cũng muốn nêu lên thái độ không đồng tình với chiến tranh của chính mình.

Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" đã rất thành công trong việc kết hợp kể với miêu tả nội tâm nhân vật, xây dựng nội tâm mâu thuẫn nhưng rất nhất quán về tính cách. Truyện được kể ở ngôi thứ nhất dưới góc nhìn của ông Ba. Điều đó làm cho sự việc trở nên khách quan, tin cậy và xác thực, tạo điều kiện cho người đọc bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu và xúc động trước tâm trạng của từng nhân vật. Hơn nữa, truyện lại có sự sắp xếp rất chặt chẽ với nhiều tình huống bất ngờ làm cho người đọc cảm thấy hứng thú và cuốn hút khi đọc.

Truyện đã làm sống lại quãng thời gian đánh giặc giữ nước và thông qua đó tác giả muốn người đọc phải nghĩ và thấm thía nỗi đau, sự mất mát mà chiến tranh mang đến. Tình cảm cha con sâu sắc của cha con ông Sáu đã vượt qua bom đạn của chiến tranh để ngày càng thiêng liêng, ngời sáng và gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương, đất nước.

Dương Ngân Hà

Lớp 9G Trường THCS Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐỀ 5

Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ* Mùa xuân nho nhỏ *của Thanh Hải.

BÀI LÀM

Đề tài mùa xuân luôn là một đề tài phong phú cho các thi nhân thử bút. Đã có không ít những bài thơ hay viết về mùa xuân. Nhà thơ Thanh Hải cũng đã khá thành công khi sáng tác bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" nói lên ước vọng khiêm tốn của mình, ước vọng được hiến dâng mùa xuân bé nhỏ của mình vào mùa xuân chung của dân tộc, mùa xuân bất tận của đất trời.

Thanh Hải tên thật là Phạm Bá Ngoãn sinh ngày 04/11/1930 mất ngày 15/12/1980, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông hoạt động văn nghệ từ những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong những năm kháng chiến chống Mĩ, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động, là một trong những cây bút có công lớn trong việc xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày ban đầu. "Mùa xuân nho nhỏ" là tác phẩm cuối cùng của nhà thơ Thanh Hải, được viết vào tháng 11/1980 trước khi nhà thơ qua đời một thời gian ngắn. Bài thơ được coi là một trong những tác phẩm hay, phản ánh được cái nhìn tươi tắn, lạc quan đối với đất nước với con người Việt Nam bước vào thời kì mới – thời kì xây dựng Tổ quốc Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội giàu mạnh.

Mở đầu bài thơ, Thanh Hải đã dựng lên khung cảnh của mùa xuân:

"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi, con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng"

Không gian của mùa xuân được hiện lên trước hết từ một "dòng sông xanh" với "một bông hoa tím biếc" vốn là những nét rất riêng của xứ Huế thơ mộng – quê hương yêu dấu của tác giả. Sự hòa hợp giữa màu xanh của dòng sông và sắc tím của bông hoa đã tạo nên một cảm giác dịu mát. Khung cảnh mùa xuân còn gợi lên những âm thanh quen thuộc, vui tươi của con chim chiền chiện, loài chim thường xuất hiện vào mùa xuân, như một dấu hiệu của mùa xuân. Tiếng hót của con chim chiền chiện vang trời đã làm cho không khí mùa xuân trở nên náo nức lạ thường. Tiếng chim chiền chiện đã được cụ thể hóa, hình tượng hóa. "Từng giọt long lanh rơi, tôi đưa tay tôi hứng". Đây là một hình thức chuyển đổi cảm giác. Âm thanh vốn chỉ nghe thấy được chuyển đổi nên có thể cảm nhận, nhìn thấy được long lanh rơi và đưa tay hứng, tiếp xúc được. Ngay trong đoạn mở đầu, chúng ta đã hình dung được tâm trạng say mê, đầy hào hứng của hồn thơ Thanh Hải khi mùa xuân đến, đó là tình yêu cuộc sống khát khao được sống.

Bài thơ viết khi cả nước đang xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội giàu mạnh, nên trong không khí mùa xuân rộn ràng náo nức tác giả nhắc đến người cầm súng và người ra đồng:

"Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy quanh lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao"

Người cầm súng là những chiến sĩ ngày đêm chiến đấu, canh giữ bảo vệ tổ quốc. Còn người ra đồng là những người nông dân đang sản xuất xây dựng đất nước. Họ là những con người chịu nhiều hi sinh nhất cho dù đó là thời bình hay thời chiến, là lực lượng tiêu biểu cho đất nước, là nhiệm vụ quan trọng nhất, sản xuất và chiến đấu – xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Mùa xuân theo người chiến sĩ ra mặt trận, che chở cho họ. Lộc biếc mùa xuân "giắt đầy lưng". Với người ra đồng thì lộc xuân trải dài nương mạ. Mùa xuân không chỉ theo về với khái niệm thời gian mà mùa xuân còn sinh thành, nảy nở theo bước chân hối hả của người ra đồng và người ra trận. Bằng những câu thơ giản dị, Thanh Hải đã tổng kết, khái quát lại lịch sử của đất nước.

"Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước"

Nhà thơ đã tổng kết lại lịch sử bốn nghìn năm, nhìn lại một chặng đường đã đi qua, đó là một chặng đường dài, "vất vả và gian lao". Nhưng đất nước như vì sao sáng ngời cứ đi mãi, tiến lên phía trước không gì có thể ngăn cản. Đây là lòng tin của tác giả vào Đảng và sự nghiệp cách mạng của đất nước. Cảm động biết bao khi đó là lời thơ, là niềm tin của một người đã nằm trên giường bệnh và sắp từ biệt cuộc sống.

Cái tên của bài thơ: "Mùa xuân nho nhỏ" cũng mang đầy ý nghĩa. Mùa xuân với khái niệm về thời gian song tác giả lại mang nó đặt cho bài thơ của mình. Chủ đề của bài thơ được bộc lộ rõ qua hai khổ thơ:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

Đến đây cái "tôi" đã được thay bằng cái "ta" và cảnh vật của thiên nhiên trong mắt quan sát của nhà thơ đều được thu nhỏ lại trong cái "ta" ấy. Mỗi một bông hoa, mỗi một tiếng chim, mỗi cảnh vật thiên nhiên đều góp phần tạo nên mùa xuân chung của đất nước. Và ta là tác giả và cũng là mỗi con người cụ thể, ta hãy như con chim chiền chiện, như bông hoa tím biếc trên dòng sông xanh, như một nốt trầm trong bản hòa ca xao xuyến của dân tộc. Cái "ta" chỉ khiêm tốn giữ vị trí của nốt trầm trong bản nhạc. Mỗi con người đều là một "mùa xuân nho nhỏ", cống hiến sức lực và cuộc đời của mình để làm nên mùa xuân lớn của đất nước, của dân tộc.

Khổ thơ cuối cùng là một lời tâm tình của tác giả, của một đứa con với quê hương:

"Mùa xuân – ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế"

Khổ thơ cuối mang đậm làn điệu dân ca của xứ Huế. Là khổ thơ duy nhất trong bài có hình ảnh Huế, quê hương của tác giả. Nhưng nói lên tình cảm của tác giả với quê hương, và là lời khẳng định "Nước non ngàn dặm mình, nước non ngàn dặm tình", trên mảnh đất Việt Nam này, đâu đâu cũng đẹp, cũng thấm đượm nghĩa tình.

Bài thơ viết vào thời gian tác giả ốm rất nặng và ít lâu sau ông mất. Nhưng "Mùa xuân nho nhỏ" vẫn tràn đầy lòng yêu đời, yêu cuộc sống và hơn cả là tinh thần, ý thức dân tộc, trách nhiệm của ông với đất nước. Và cũng là thông điệp của tác giả gửi đến cho chúng ta "Hãy góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân chung của đất nước, của dân tộc".

Cao Bá Bình

Lớp 9D Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội

ĐỌC THÊM

SẮC XUÂN TRONG BÀI THƠ "MÙA XUÂN NHO NHỎ"

Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là một bài thơ hay trong chương trình Văn học lớp 9. Bài thơ chứa đựng trong nó nhiều vẻ đẹp. Song có lẽ vẻ đẹp nổi bật hơn cả là sắc xuân mang đậm chất Huế.

Bài thơ được làm theo thể thơ năm chữ, nghĩa là một câu thơ có năm âm tiết. Sự gọn ghẽ của cấu trúc ấy cộng với âm thanh, nhịp điệu luân chuyển theo từng khổ thơ, toàn bài thơ là một bức tranh xuân về thiên nhiên và con người xứ Huế.

Ai cũng dễ dàng nhận thấy ở khổ thơ đầu là sắc xuân của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất trời. Ba nét chấm phá: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện đã khắc họa một cảnh xuân xứ Huế rất đẹp, tràn đầy sức sống và tràn ngập một niềm vui rạo rực. Điều đáng nói ở đây là tính hình tuyến của ngôn ngữ làm cho câu thơ hay hơn. Rất bình thường ta viết: "Một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh"; nhưng tác giả lại viết khác bình thường: "Mọc giữa dòng sông xanh – Một bông hoa tím biếc". Hoa mọc giữa dòng sông khoe sắc tím biếc thì thật đầy sức sống!

Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất trời, cảm xúc của tác giả như trào dâng. Nhà thơ "kêu lên" cùng với tiếng chim chiền chiện một giọng rất Huế: "Hót chi mà vang trời!". Và chính cảm xúc đó đã làm cho tác giả nhìn nhận mọi cảnh vật đều rất thơ: "Từng giọt long lanh rơi – Tôi đưa tay tới hứng". Đến đây, hàng loạt câu hỏi đặt ra: Giọt gì rơi? Đưa tay hứng cái gì? Vượt lên trên hai hàng chữ là một ý thơ độc đáo mà nhiều nhà phê bình rất tâm đắc. Người ta có thể à lên một tiếng: Trời! Đó là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện. Tác giả như nhìn thấy nó đọng thành từng giọt, rơi long lanh. Nhà thơ như hứng được một cách nâng niu, chiều chuộng. Ở đây, đã có sự chuyển đổi cảm giác mang tính chủ quan của nhà thơ. Từ cái có thể nghe được (thính giác) đến cái có thể nhìn thấy được (thị giác) và cuối cùng đến cái có thể hứng được, nắm bắt được (xúc giác). Mọi cảm xúc đã được lên men. Nhà thơ say đến ngất ngây vẻ đẹp của mùa xuân đất trời quê hương xứ Huế.

Sang khổ thơ thứ hai, bằng những câu thơ tả thực mang nặng tính tượng trưng, ta có thể cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của mùa xuân cách mạng thật hối hả, khẩn trương, hào hùng:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao

Từ "lộc" ở đây có thể hiểu nhiều nghĩa. Ở nghĩa bề mặt (ngôn ngữ học là nghĩa cơ sở) thì "lộc" có nghĩa là chồi non; ở nghĩa phát sinh thì "lộc" nghĩa là mùa xuân, là sức sống. Người cầm súng giắt lộc để ngụy trang ra trận, người ra đồng như gieo

mùa xuân trên từng nương mạ. Những con người làm nên lịch sử của đất nước (xây dựng và bảo vệ) đã mang của mùa xuân ra trận địa của mình để gặt hái mùa xuân về cho đất nước.

Có lẽ sắc xuân Huế đọng lại nhiều nhất là ở khổ thơ cuối. Người ta thường nói đến tín hiệu thẩm mĩ làm nền, tín hiệu thẩm mĩ độc đáo trong một tác phẩm nghệ thuật. Theo chúng tôi, tín hiệu thẩm mĩ độc đáo của bài thơ nằm ở những hình ảnh cuối của khổ thơ cuối. Đó là vẻ đẹp tư tưởng của tác giả, của những con người xứ Huế giản dị, khiêm nhường nhưng cũng thật mạnh mẽ:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc ...

Cách chọn hình ảnh – những tín hiệu thẩm mĩ của tác giả ở đây thật tự nhiên và hợp lí: *chim hót, cành hoa, nốt nhạc trầm, một mùa xuân nho nhỏ*. Ước nguyện thật thiết tha nhưng cũng thật khiêm tốn: muốn góp một phần nhỏ bé để làm nên mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân cách mạng, mùa xuân đất nước. Hình ảnh "mùa xuân nho nhỏ" ở cuối bài thơ như ánh lên, tỏa sức xuân tâm hồn trong toàn bộ bài thơ. Tác giả muốn sống một cuộc đời đẹp như mùa xuân. Giữ cho tâm hồn tràn đầy sức sống như mùa xuân nhưng lại là mùa xuân nho nhỏ. Hơn ai hết, tác giả ý thức được mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Mùa xuân rộng lớn thuộc về đất trời, thuộc về mùa xuân cách mạng

không một cá nhân nào làm nổi. Mỗi cá nhân chỉ có thể đóng góp mùa xuân của cuộc đời riêng để tăng thêm vẻ yêu kiều của mùa xuân đất nước, mùa xuân của cuộc đời chung. Ước nguyện khiêm nhường, thiết tha, kín đáo nhưng mãnh liệt của tác giả cũng chính là ước nguyện của con người xứ Huế.

Cả bài thơ chỉ có một từ "Huế" ở cuối bài nhưng chúng ta có thể cảm nhận nhiều sắc xuân Huế ở trong đó: Sắc xuân của đất trời thiên nhiên xứ Huế, sắc xuân của Cách mạng Cố đô, sắc xuân tư tưởng của con người xứ Huế. Cảm ơn nhà thơ Thanh Hải – một người con xứ Huế đã nói hộ nhân dân Cố đô trong một bài thơ nho nhỏ ...

Nguyễn Thị Xuân Yến
Khoa Văn – ĐHSP Huế
(Văn học và tuổi trẻ – tập 20, 2/97, tr. 15-17)

PHẦN II

VĂN TỰ SỰ

HƯỚNG DẪN

Văn tự sự ở lớp 10 củng cố lại những kiến thức và kĩ năng đã học ở trung học cơ sở và nâng cao thêm ở một số dạng bài sau đây:

- Kể chuyện tưởng tượng từ một truyện dân gian hoặc một truyện hiện đại.

- Kể chuyện có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Kể chuyện có một số yếu tố hư cấu.

Dưới đây, giới thiệu với các em 10 đề bài (và bài làm hoặc bài tham khảo) của các dạng trên để các em tham khảo học tập và vận dụng một cách sáng tạo vào bài làm của mình.

(Ở dạng bài thứ nhất cần chú ý đến yếu tố *tưởng tượng* và *liên tưởng* của người viết; ở dạng bài thứ hai cần tìm hiểu *cách kết hợp* các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự; ở dạng bài thứ ba cần xem xét *các yếu tố hư cấu* đã hợp lí, tự nhiên chưa và đánh giá hiệu quả nghệ thuật mà chúng đã mang lại cho bài văn tự sự).

ĐỀ 6

Cây bút thần kể lại chuyện đời mình khi đến với chú bé họa sĩ.
(Dựa vào chuyện cổ tích " Cây bút thần" của Trung Quốc)

BÀI LÀM

CÂY BÚT THẦN VÀ CHÚ BÉ HỌA SĨ

Tôi là cây bút thần, được sinh ra để giúp cho các họa sĩ có tài đức. Thân tôi bằng trúc vàng óng ánh, đầu nhọn như bút măng được kết bằng những lông thú đen mượt. Tiên ông đã luyện tôi bằng thuốc trường sinh bất tử, lại phù phép thần thông biến hoá cho đến khi ném tôi vào lửa không cháy, cầm dao sắc chặt không đứt. Thầy nói với tôi: "Ta luyện cho con thành tài, con có thể vẽ chim bay được trên trời, vẽ cá bơi được dưới nước, vẽ ngựa phi như bay trên đường, vẽ gió thổi cho sóng biển dâng cao... Chắc con cũng muốn trổ tài cho thiên hạ biết. Nhưng phải nán lòng chờ đợi. Bao giờ dưới trần gian có người tài, lại có chí hướng nghệ thuật, có đức độ hành nghề, ta sẽ cho con xuất gia nhập thế. Con đừng phụ công ta rèn luyện bấy lâu nay để ra sức giúp người chủ mới của con...". Nói rồi, thầy đặt tôi vào cái hộp bút bằng gỗ gụ khảm sơn mài để lên giá sách.

Nằm trong ngôi nhà con êm ấm của mình, tôi thao thức không ngủ được. Người chủ mới của mình là ai nhỉ? Một cụ già quắc thước râu tóc bạc phơ chuyên làm việc nghĩa, một thầy giáo thông tuệ kính trắng lấp lánh hết lòng vì học trò, một thi nhân ưu ái với đời thấu hiểu cuộc sống và nguyện vọng của muôn dân hay một họa sĩ tài năng dùng cây bút của mình để phục vụ cho quần chúng?... Ai nhỉ? Tôi không tài nào đoán được. Thôi thì ai

cũng được, miễn là gặp được người tài đức để phát huy tất cả những điều thầy đã dạy dỗ bấy lâu nay, góp một phần của mình vào cuộc sống của con người dưới trần gian... Phải nán lòng chờ đợi như thầy đã dạy thì chắc sẽ gặp được người tài... Rồi tôi thiếp đi lúc nào không biết trong mùi hương dìu dịu, say say của ngôi nhà nhỏ...

Trong giấc ngủ chập chờn, tôi mơ nghe thấy một tiếng động khẽ và hình như cửa ngôi nhà con của tôi bật mở. Rồi có ai đó đưa tôi ra một đám mây ngũ sắc bồng bềnh, phù phép cho tôi lần cuối và vuốt nhẹ vào sống lưng tôi như một lời chào từ biệt, một lời chúc lên đường may mắn. Đám mây cứ hạ thấp xuống dần, xuống mãi, cho đến khi "kịch" một tiếng, đám mây tan ra thành khói bay lên trời, còn tôi thì rơi xuống đất...

Tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên tay một chú bé trong căn nhà tranh nhỏ nhưng sạch sẽ, thoáng mát. Chú bé đang vuốt ve tôi, ngắm nhìn tôi bằng đôi mắt hân hoan, vui sướng. Thì ra giấc ngủ chập chờn đêm qua đã đưa tôi từ tiên giới xuống trần gian và ...hóa ra-cái chú bé này lại là chủ mới của tôi sao? Thật bất ngờ quá, ngoài sức tưởng tượng của tôi. Lẽ nào chính chú bé này lại là chủ mới để tôi gửi gắm cuộc đời tôi với bao năm tháng khổ công rèn luyện thành tài nơi tiên giới? Tôi bàng hoàng đưa mắt nhìn xung quanh thì thấy trên tường, dưới đất, đâu đâu cũng có hình vẽ: nơi thì con cá đang giương vây như sắp bơi, nơi thì con chim đang xoè cánh chỉ chực bay, có chỗ con mèo đang ở tư thế sắp vồ mồi còn đàn chuột thì bỏ chạy tán loạn... Tôi thầm nghĩ: người này vẽ cũng vào loại tài hoa, nét bút rất có thần, nhưng sao chỉ vẽ trên vách dưới nền, và chỉ vẽ bằng than, bằng gạch? Giấy đâu, bút vẽ đâu, mực màu đâu mà không thấy? Thảo nào chú bé ngắm nhìn tôi say mê và nâng niu trân trọng tôi đến thế! Chú hôn vào người tôi như hôn người thân rồi trịnh trọng đặt tôi lện chiếc cơi giữa bàn thờ và đậy nắp lại...

Đêm đầu tiên nằm trong ngôi nhà mộc mạc nhưng ấm cúng dưới trần gian, tôi suy nghĩ miên man về người chủ mới của mình. Đúng là một chú bé họa sĩ có tài năng và có chí hướng nghệ thuật. Trong cảnh nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, phải tự kiếm sống nuôi thân, nhưng chú vẫn dốc lòng học vẽ, khổ luyện thành tài khi chú mới ở độ tuổi thiếu niên. Vẽ bằng than, bằng gạch trên vách dưới nền mà còn có thần như vậy thì vẽ trên giấy, trên lụa bằng bút vẽ, mực màu còn đẹp đến đâu? Nghị lực ấy, năng khiếu ấy, chí hướng ấy, trên đời này mấy ai đã có được? Thầy ta quả đã có con mắt tinh đời để chọn cho ta một chỗ xứng đáng, tìm cho ta một người chủ mới có đủ tài đức để ta chung lòng góp sức, đem nghệ thuật chân chính phục vụ cho đời sống của nhân dân. Tài đức ấy mà có bút thần này thì nhất định phải đơm hoa đẹp, kết trái ngon cho đời. Thầy đã cho ta xuống đây, ta quyết đem hết tài năng để giúp người chủ mới, cũng là giúp cho cuộc sống của con người dưới thế gian.

Đêm trần gian ngắn chứ không dài như đêm trên tiên giới. Mới đó mà gà đã gáy sáng và bình minh đã ửng hồng rực rỡ. Người chủ mới của tôi không biết đi đâu từ lúc còn mờ đất. Một lúc sau, chú gánh một gánh củi từ rừng về. Gương mặt chú bừng sáng một niềm vui mới rạng rỡ. Chú rửa chân tay, ăn vội mấy củ khoai luộc, rồi đến bên bàn thờ mở nắp chiếc cơi. Tôi cảm thấy xốn xang, rạo rực trong lòng một niềm vui như chưa bao giờ có. Chú đặt tôi lên lòng bàn tay ngắm nghía, vuốt ve. Tôi cũng được dịp ngắm nhìn gương mặt chú: một gương mặt khôi ngô tuấn tú với đôi mắt sáng long lanh và nụ cười đôn hậu – đôi mắt của tài năng và nụ cười của đức độ. Chú nói với tôi như nói với người bạn thân thiết từ bao giờ:

- Bút thần đã về với ta, hãy giúp ta làm cho cuộc sống con người ngày càng tốt đẹp hơn. Đầu tiên ta hãy đến với những người nghèo trong làng. Nào, ta lên đường...

Tôi cùng chú đến với họ và vẽ cho họ những dụng cụ mà họ còn thiếu: cày, cuốc, thùng, đèn... Sau đó là cuộc phiêu lưu li kì của hai chúng tôi để trừ diệt tên địa chủ và tên vua tham lam tàn ác bằng sức mạnh kì diệu của nghệ thuật chân chính.

ĐỀ 7

Có lần em nằm mơ, thấy mình lạc vào thế giới của những câu chuyện cổ. Hãy kể lại những con người và sự việc mà em gặp trong giấc mơ đó. (Dựa vào các truyện cổ dân gian đã học)

BÀI LÀM

PHIÊU LƯU TRONG THẾ GIỚI TRUYỆN CỔ

Đêm 29 tết. Em cùng mẹ thức canh ngồi bánh chưng. Khuya lắm rồi, mọi người đã ngủ cả. Mọi vật đều chìm trong im lặng, chỉ còn nghe tiếng sôi đều của nồi bánh chưng. Củi cháy đượm, thỉnh thoảng vang lên tiếng nổ nhỏ lép bép. Em ngồi tựa vào vai mẹ, nhìn bếp lửa đỏ hồng, thả hồn theo những tàn tửa bay lên chấp chới như những đốm sao lung linh...

Bỗng một vầng sáng hiện ra làm mắt em lóa mắt. Em định thần nhìn kĩ: đó là một cung điện nguy nga của thời xưa giữa một vùng đất đầy hoa thơm cỏ lạ – cung điện Long Trang. Có hai người đang ngồi bên nhau giữa đại sảnh mà em chưa hề gặp bao giờ: một người mình rồng, tướng mạo phi thường, sức khỏe vô địch; một người dòng tiên, xinh đẹp tuyệt trần, hương thơm ngan ngát. Ngắm nghía họ một lúc, em mới nhận ra đó là Lạc Long Quân và Âu Cơ, tổ tiên của dân tộc Việt Nam ta. Họ đã kết thành vợ chồng, đẻ ra bọc trăm trứng, nở ra trăm người con,

người con cả được tôn lên làm vua, đóng đô ở Phong Châu, lập ra nước Văn Lang và thời đại Hùng Vương, cha truyền con nối đến 18 đời.

Có tiếng ngựa hí vang. Cung điện Long Trang biến mất, chỉ còn thấy lửa phun ra từ miệng ngựa đỏ rực cả một vùng làng mạc tre mọc san sát hai bên đường. Em nhận ra đó là làng Cháy ở cạnh làng Phù Đổng. Và kì lạ quá! Không phải ngựa thật mà là ngựa sắt đang phi nhanh, đang phun lửa. Trên mình ngựa, một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt, đang vung roi sắt đánh giết quân thù làm cho chúng chết như rạ. Roi sắt gãy, tráng sĩ nhổ những cụm tre bên đường quật vào giặc tơi bời, đuổi chúng đến chân núi Sóc rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời. Em ngây người đứng ngắm cái cảnh cực kì hùng tráng ấy của người anh hùng làng Gióng mà tự hào, khâm phục, ngỡ như âm vang của chiến thắng còn vọng mãi đến muôn đời sau.

Bỗng trời đất tối sầm, chớp lóe sáng, rồi dông bão nổi lên ầm ầm, rung chuyển cả không gian. Nước sông dâng lên cuồn cuộn, và em thấy, trên dòng nước, một thần hình dáng kì dị "râu ria quăn xanh rì" cưỡi trên lưng rồng đang hung hăng hô gió, gọi mưa, quát tháo các loài thủy tộc dâng nước lên đánh kẻ đã lấy được công chúa Mị Nương để hạ cơn ghen tức của mình. Em sợ quá, vội tìm đường lên núi để tránh dòng nước lũ. Trên đỉnh Tản Viên, em thấy một vị thần hình dáng hào hùng, mặt mày uy nghi, đang dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Đó là cuộc giao tranh dữ dội và quyết liệt chưa từng thấy giữa Thủy Tinh và Sơn Tinh vào thời Hùng Vương thứ 18. Đứng trên núi nhìn xuống, em thấy thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước, nhưng kì lạ biết bao, khiến em không tin vào mắt mình nữa: nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi của Sơn Tinh

lại cao lên bấy nhiêu như có phép thần thông biến hóa. Đánh mãi không được, quân của Thủy tinh chết rất nhiều, xác ba ba và thuồng luồng nổi đầy cả sông. Thần Nước đành rút quân về, nhưng oán nặng thù sâu, hằng năm lại làm mưa gió, dâng nước lên đánh Thần Núi nhưng vẫn không thắng nổi.

Giờ đây dông bão đã tan, trời lại hừng sáng, đẹp tuyệt trần. Từ đỉnh Tản Viên, nhìn về phía Đông, em thấy những dải mây vàng bay lượn như rồng uốn khúc trên bầu trời Thăng Long. Theo mây trắng xứ Đoài, em bay về đất kinh kì ngàn năm văn vật. Cảnh và người ở kinh đô đẹp quá. Em nhận ra Lê Thái Tổ (tức người anh hùng áo vải năm xưa ở đất Lam Sơn) đang dạo thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng cùng với quần thần. Đất nước đã thanh bình sau mười năm kháng chiến đuổi sạch giặc Minh. Nhà vua mặc áo long bào, chít khăn vàng, khuôn mặt uy nghi mà phúc hậu, đôi mắt rất sáng dưới đôi lông mày lưỡi mác đen nhánh. Bỗng có con Rùa Vàng nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Em chăm chú nhìn, thấy thanh gươm thần đeo bên người vua tự nhiên động đậy. Con Rùa Vàng bơi về phía thuyền vua, đứng nổi trên mặt nước và nói: "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!". Nhà vua rút gươm quẳng về phía Rùa Vàng. Thật kì lạ, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm nhanh như cắt và lặn xuống đáy nước. Đó là thanh gươm mà Đức Long Quân đã trao cho Lê Lợi ở rừng Lam Sơn để đánh thắng giặc Minh xâm lược. Bây giờ đất nước thanh bình, ngài sai Rùa Vàng lên đòi lại. Chả thế mà hồ lại mang tên là Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm. Gươm và Rùa đã chìm đáy nước, em vẫn còn nhìn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh....

Bỗng có ai đó lay em rồi cố tiếng mẹ em gọi: "Dậy đi con! Gần sáng rồi, vào nhà ngủ kẻo lạnh, sương xuống nhiều quá ướt hết tóc con gái tôi rồi". Em mở mắt bừng tỉnh. Thì ra là một giấc mơ, một giấc mơ dài, thú vị quá. Giấc mơ đã đưa em đi qua

bao miền của đất nước, gặp bao con người kì diệu với những sự tích diệu kì, như xem một cuốn phim quay chậm của lịch sử dân tộc từ khi dựng nước đến thế kỉ XV.

ĐỀ 8

Từ truyện cổ tích Tấm Cám ngày xưa, hãy xây dựng thành một truyện cổ tích mới về "cô Tấm ngày nay" và kể lại câu chuyện đó.

BÀI LÀM

CÔ TẤM CỦA BÀ

Hàng ngày, bà cụ nấu nước chè tươi, ngồi nhẩn nha bán dưới gốc cây mít cổ thụ đầu làng nên mọi người từ lâu đã quen gọi là *quán bà cụ Mít*. Cụ Mít chắc phải ngoài bảy mươi rồi. Tóc bạc trắng như cước, lưng còng gập, đi lại chậm chạp, lòng không. Cụ sống một mình, không chồng, con; ngay trong quán hàng nhỏ xíu của mình.

Cái Gái rất thích cõng em ra chơi, nhặt lá mít làm trâu, vênh sừng nghé ọ, nhảy lò cò... Thấy quán vắng khách là nó lại sà vào lòng bà cụ Mít, nhổ tóc sâu, để được nghe cụ kể chuyện cổ tích. Gái thích nhất là truyện *Tấm Cám*. Nó hay ngửa cổ nhìn lên ngọn cây mít và ước ao: Giá như cây mít này biến thành cây thị. Sẽ có một quả thị thật to, để cụ Mít đem cái bị ra, bảo:

- Thị ơi thị! Thị rơi bị bà, bà đem bà ngửi chứ bà không ăn!

Rồi sẽ có một cô Tấm từ trong quả thị chui ra và sống mãi ở đây với bà cụ Mít.

Mỗi lần mẹ đi chợ, cái Gái lẽo đẽo cõng em theo mẹ ra tận đầu làng, cứ dặn đi dặn lại:

- U nhớ nhé! Con không ăn bánh đa đâu! U mua cho con một quả thị rõ thật to, u nhé!

Hôm ấy mẹ mua cho Gái quả thị chín vàng, tròn như cái bát. Gái thích lắm, cầm quả thị, chạy một mạch ra quán cụ Mít. Lúc ấy, cụ Mít đang lúi húi rửa chè xanh ngoài cầu ao. Cái Gái liền lẻn vào quán. Nó để quả thị lên cái đĩa gỗ trên bàn thờ rồi tong tả chạy về nhà với nỗi vui mừng, thấp thỏm, chờ mong...

Ngày nào Gái cũng ra chơi với cụ Mít để dò xem có cô Tấm nào chui ra quả thị hay không?

Cụ Mít cứ *hinh hỉnh* cái mủi lên mà hít hà và bảo:

- Quái lạ! Có mùi thị ở đâu thơm quá! Gái có ngửi thấy không, cháu?

Gái tủm tỉm cười, vờ như không biết:

- Vâng! Đúng là có mùi thị, thơm thật!

Năm ngày sau, quả thị bị héo tóp lại, vỏ thâm xì, chảy cả nước thị ra cái đĩa gỗ. Gái vừa thất vọng vừa tiếc của, nó đành ném quả thị héo ấy ra bụi tre.

Chuyện đó, cụ Mít hoàn toàn không biết gì.

Năm ấy, cái Gái đã là học sinh lớp 6 trường THCS Đồng Lâm. Nó không còn tin là trong quả thị có cô Tấm nữa. Nhưng nó vẫn ước ao làm được một việc gì đó để giúp đỡ cụ Mít như tất cả mọi người trong làng này đối xử với cụ.

Mỗi ngày, cứ buổi sáng, cái Gái lại cắp rổ đi kiếm rau lợn. Hôm nào nó cũng ghé qua quán cụ Mít để bí mật làm một việc gì đó, vì cụ Mít thường đi mua chè vào buổi sáng. Cửa quán luôn chỉ khép hờ. Gái lách cửa, vào nhà, gặp việc gì làm được, là nó làm ngay. Vại nước sắp hết, nó lấy đôi thùng ra giếng gánh, đổ

đầy tràn cả ra ngoài. Hôm thì nó quét lá tre, lá ổi rụng đầy vườn, vun vào gốc cho bà cụ lấy cái đun bếp.

Hôm nay, vừa lách vào nhà, Gái đã nhìn thấy ngay mấy cái bát cáu đen những nhựa chè. Nó hối hả bưng ngay chén, bát ra bờ ao, lấy rơm và tro bếp đánh thật sạch cả trong lẫn ngoài, trông như mới vậy! Có sáu cái bát, nó đánh xong được năm cái. Đến cái thứ sáu, vì hơi mạnh tay, nên cái bát bịt sứt một mảnh nhỏ. Gái sợ hãi luống cuống, trống ngực đánh thình thịch... Làm sao bây giờ? Chỉ tại mình cọ mạnh quá!... Nó vội dấu cái bát vỡ dưới bụi khoai nước bên bờ ao rồi đem năm cái bát kia úp trên chõng tre. Gái cứ băng khoăn đi ra đi vào. Chợt nhìn thấy bình vôi ở gốc nhà, nó lấy vôi cố gắn mảnh bát vỡ, loay hoay mãi đến toát mồ hôi mà mảnh vỡ vẫn không chịu dính vào.

Vừa lúc đó, bà cụ Mít lọc cọc chống gậy, bưng rổ chè về.

- À, à!... Bà bắt được *quả tang* rồi nhé! Hôm nào bà cũng nằm mơ thấy cô Tấm về làm giúp bà mà! Cháu vừa chui ở quả thị nào ra thế?

- Nhưng... nhưng cháu không ngoan đâu! Cháu lỡ tay đánh vỡ bát của bà rồi!... Hu!... Hu!...

- Không sao đâu! Nín đi cháu! Cái bát ấy đã nứt sẵn rồi, vỡ là phải! Cháu không có lỗi gì đâu! *Cô Tấm của bà* ngoan lắm!

(Theo truyện ngắn **Cái Gái và bà cụ Mít** của **Mị Lan**;
trong sách **35 tác phẩm được giải**,
NXB GD, Hà Nội, 2002, t,22 - 25).

ĐỀ 9

Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương ngồi bên bờ Hoàng Giang than thở một mình rồi tự vẫn. (Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ). Em hãy thay lời cây lau kể lại câu chuyện bi thương đó.

BÀI LÀM

Tôi là họ nhà lau. Tôi đã sinh sống bên bờ Hoàng Giang mấy chục năm trời, đã chứng kiến biết bao cảnh đông vui tấp nập của con người, lúc ồn ào xuống đò sang sông đi chợ tỉnh, khi quăng chài đánh cá, giặt giũ bèn sông, và nhất là lũ trẻ con, chiều chiều ùa xuống tắm táp, vùng vẫy thỏa thích trong dòng nước mát. Nào có ngờ đâu, đêm nay, cái đêm đáng ghi nhớ ấy, tôi lại phải chứng kiến một cảnh thương tâm đau lòng đến thế...

Lúc ấy đêm đã khuya. Sương xuống ướt lạnh cả người tôi. Mọi vật đã ngủ say sau một ngày hoạt động căng thẳng. Con sông Hoàng Giang lặng lẽ trôi, dòng nước đen thẫm loang loáng ánh trăng mờ. Gió thổi nhẹ tạo nên khúc nhạc thầm thì của cây lá bên sông...

Có tiếng động khẽ làm tôi giật mình lắng nghe. Không phải tiếng con vật mà là tiếng bước chân người. Tiếng bước chân nhẹ nhàng như không chạm vào đất mà lướt đi trên không. Tiếng bước chân của một người con gái. Người hay ma mà lại hiện ra trong đêm khuya khoắt vắng vẻ này? Nàng đã đến bên tôi, váy áo lụa dài óng ả, tóc xõa ngang lưng còn thơm mùi lá sả gội đầu. Một người con gái thon thả, mảnh mai, gương mặt đẹp, buồn mờ trắng dưới ánh trăng. Nàng ngồi xuống bên tôi, khẽ

nâng vạt áo thấm nước mắt. Rồi nhìn dòng nước đen thẫm, nàng thì thầm kể với Hoàng Giang:

- Sông ơi! Thế là đời ta, đời một người con gái trắng trong, tiết hạnh, thủy chung giờ đây đã hết. Chồng ta, không biết nghe ai, đã nghi ngờ ta, sinh lòng ghen ghét, chửi mắng ta thậm tệ rồi đánh đuổi ta phũ phàng... Tình nghĩa vợ chồng đã tan tành như mây khói. Ta đã phải xấu hổ, phải chịu tiếng nhục với muôn đời. Ta còn thiết gì sống trên cõi trần này nữa... Sông ơi! Hãy cho ta về với sông, hãy mở lòng ra đón người con gái xấu số này...

Nàng nghẹn ngào không nói được và lại tấm tức khóc. Bờ vai rung lên, làn tóc xõa trên lưng vẫn thơm mùi lá sả. Tôi chợt hiểu: nàng đã tắm gội để đi về với kiếp khác! Hồi lâu, trấn tĩnh lại, nàng quỳ trên cát, chắp tay khấn những lời cuối cùng trước khi từ biệt cõi dương thế. Nàng thì thầm nói với chồng:

- Trương Sinh! Chàng đã phụ thiếp, thiếp đành phải ra đi. Bây giờ chàng còn nghi ngờ thiếp, nhưng kiếp sau chàng sẽ hiểu tấm lòng của thiếp đối với chàng và giải oan cho thiếp...

Rồi nàng gọi con đau xót:

- Đản ơi! mẹ phải đi đây. Mẹ phải xa con, không được bế bồng, chăm sóc con nữa. Con còn nhỏ quá, chưa hiểu được nỗi oan trái của mẹ. Lớn lên rồi con sẽ hiểu... Nhưng lúc bấy giờ...

Nàng nghẹn lại, không nói tiếp được cái điều đau xót ấy. Chỉ có tiếng nấc và những dòng nước mắt may ra mới có thể giải tỏa được nỗi đau này. Tôi cũng lặng người đi bên người con gái bất hạnh mà những tiếng nấc của nàng như những mũi kim đau nhói lòng tôi.

Có một tiếng vạc đi ăn đêm. Vầng trăng ra khỏi mây bỗng sáng lên khắp bầu trời. Bóng người con gái quỳ trên cát hằn rõ trên bờ sông Hoàng Giang như một bức tượng màu trắng bất

động. Lẽ nào nàng lại hóa đá như Tô Thị thuở xưa – tôi thì thầm tự hỏi. Nhưng không, nàng lại ngẩng mặt ra sông và gọi con sông quê hương tha thiết như gọi một người bạn tâm tình:

- Sông ơi! Đã đến giờ rồi đấy! Hãy cho ta về với sông, hãy cho ta được sống kiếp khác với sông, trong dòng sông mà một thời thơ ấu và một thời con gái ta đã có bao kỉ niệm êm đẹp với sông. Hãy đón ta về như một người bạn, một người em gái của sông. Ta nguyện sẽ đời đời kiếp kiếp ở với sông, dòng sông Hoàng Giang mà ta yêu quý. Sông ơi!...

Bóng áo trắng cựa mình, làn tóc đen bay tung, vút một cái, nàng đã lao mình xuống Hoàng Giang. Dòng nước đen thẫm loang loáng ánh trăng đã cuốn người con gái bất hạnh và xấu số ấy đi về một kiếp khác nhưng cái bóng nàng quỳ trên bờ sông trong đêm trăng ấy thì mãi mãi tôi không thể nào quên.

ĐỀ 10

Hãy hóa thân vào những que diêm để kể lại câu chuyện* Cô bé bán diêm *của An-đéc-xen.
(Có thể có một kết thúc khác theo ý của riêng em)

BÀI LÀM

Tôi là một que diêm trong họ nhà diêm được sinh ra từ một nhà máy diêm ở Đan Mạch. Người ta đóng chúng tôi vào những chiếc bao xinh xắn có ghi nhãn hiệu bên ngoài rồi gửi đi bán khắp nơi trong nước. Các bạn tôi may mắn được gửi đến những nhà hàng, khách sạn sang trọng hoặc những tiệm tạp hóa lớn giữa phố đông người. Còn tôi, "xui xẻo" quá, lại nằm trong túi hàng rong của cô bé bán diêm lạnh lẽo giữa đêm đông. Nhưng chính trong cái không may này, tôi lại được chứng kiến

những giây phút tuyệt vời của "cô chủ nhỏ" đã tỏa sáng mãi tâm hồn tôi....

Lúc đó, đã gần đến giao thừa của năm mới. Mọi người đều sum họp trong không khí ấm áp của gia đình trong ánh điện sáng choang, lò sưởi nóng rực và nhất là trong mùi thơm thật hấp dẫn của những con ngỗng quay vàng rộm, béo ngậy nằm vừa chật một chiếc đĩa to. Nhưng cô bé bán diêm vẫn lê những bước chân nặng nề trong đêm đông giá lạnh để mong bán được một vài bao trước lúc bước sang năm mới. Không bán được diêm, không có tiền mang về, cô sẽ bị cha mắng. Khách qua đường nhìn cô bằng cặp mắt hờ hững rồi vội bước đi để về nhà kịp đón giao thừa. Vẫn không một người nào hỏi mua diêm và bao diêm cô cầm trên tay để mời khách đã thấm khí lạnh của đêm đông băng giá. Tôi nằm trong bao mà vẫn run lên vì cái giá rét đó.

Cô bé vẫn đi và vẫn cố chờ một hi vọng mong manh may ra sẽ đến với cô. Giày và tất ướt sũng đã tuột khỏi chân lúc nào không biết. Đôi chân trần của cô xám ngoét, lạnh như băng, còn đôi tay thì cứng đờ, tê buốt. Rét quá! Cô phải nép vào giữa hai ngôi nhà, ngồi thu tay trong lòng để tạo ra hơi ấm cho mình. Nhưng gió vẫn thổi hun hút qua khe nhà làm cô run lên bần bật. "Giá mà bây giờ có một cái lò sưởi!" – Cô thầm nghĩ và lập tức biết rằng chẳng bao giờ có được. Trời vẫn lạnh và ngày càng buốt hơn. Không chịu nổi. "Phải bật một que diêm để sưởi hai bàn tay". Họ nhà diêm chúng tôi xôn xao khi "nghe" được quyết định của cô chủ. Ai là người sẽ được hiến lửa đầu tiên cho cô, mang lại hơi ấm cho cô? Những người khác có được hiến lửa không? Và ai sẽ là người cuối cùng?...

Bỗng "xòe" một tiếng, rồi một ngọn lửa xanh cháy sáng lên to dần thành một ngọn lửa vàng lung linh rực rỡ. Cô bé giơ hai bàn tay ôm lấy ngọn lửa, khuôn mặt ngời sáng rực rỡ. Và thật kì diệu, qua ngọn lửa, hiện ra một cái lò sưởi bằng đồng tuyệt

đẹp, trong đó những thanh củi nổ lép bép vui tai và ngọn lửa hồng nhảy nhót rung rinh tỏa nồng hơi ấm. Que diêm tắt, mọi vật lại như cũ.

Cô bé quẹt que diêm thứ hai. Một bàn ăn sang trọng hiện ra, khăn giải bàn trắng muốt, và một con ngỗng quay có cắm dao, nĩa trên lưng đang nhảy nhót tiến về phía cô bé. Cô cười sung sướng, giơ tay định đón nó thì diêm tắt, ngỗng cũng biến mất. Cô quẹt que diêm thứ ba và một cây thông Nô-en to, đẹp, sáng lung linh với những dải đăng–ten bằng kim tuyến rực rỡ hiện ra. Cô thấy từ cây thông có những ngôi sao bay lên trời lấp lánh. Và cô nghĩ đến người bà thân yêu hiền hậu đã qua đời...

Que diêm tắt, cây thông không còn và hình ảnh người bà cũng theo đó mà đi khỏi sự tưởng nhớ của cô. Cô muốn bà lại hiện ra với mình và cô quẹt que diêm thứ tư. Ngọn lửa lóe sáng trong đêm đông và hình ảnh người bà hiện ra đẹp rạng rỡ trước mắt cô. Bà gọi cô: "Cháu đấy à?" Cô trả lời và gọi bà tha thiết: "Cháu đây mà. Bà ơi! Bà ở đâu, cho cháu đi với bà nhé". "Bà ở đây, ở trên cao này, nơi không còn đói khổ, lạnh lẽo, nơi con người sống hạnh phúc với nhau. Hãy bay lên đây với bà". "Cháu sẽ bay lên ngay với bà. Nơi ấy có phải là thiên đường không, hở bà?" . "Đúng rồi. Thiên đường của bà cháu ta đấy. Bay lên ngay với bà, cháu nhé..." Que diêm lại tắt. Phải có ngọn lửa thì mới giữ lại được hình ảnh của bà để còn "bay lên với bà" chứ. Thế là cô bé quẹt hết những que diêm còn lại trong bao. Và hình ảnh người bà thân yêu lại hiện ra cười hiền hậu với cô và vẫy gọi cô bay lên. Vừa quẹt diêm cô vừa gọi: "Bà ơi! Bà chờ cháu nhé! Cháu sung sướng quá vì có bà bên cạnh cháu lúc này ..." Tôi là que diêm cuối cùng trong bao. Tôi chỉ còn nghe thấy một tiếng "xòe", kịp nhìn thấy một ngọn lửa lóe sáng, và sau đó là một tiếng kêu dài của cô bé: "Bà ... à ... ơi ... ơi!..." Rồi tất cả lại im ắng như cũ. Cô bé đã chết trong đêm đông giá lạnh với nụ cười trên môi. Lúc đó vừa đúng giao thừa.

ĐỀ 11

Kể về một kỉ niệm sâu sắc đối với cô giáo chủ nhiệm. (Kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự)

BÀI LÀM

THĂM CÔ GIÁO ỐM

Hết tiết sinh hoạt lớp cuối tuần, chúng em rủ nhau vào bệnh viện Bạch Mai thăm cố giáo chủ nhiệm bị ốm. Cô nghỉ dạy đã ba ngày nay, những tiết văn không có ai dạy thay khiến chúng em càng cảm thấy trống vắng và nhớ cô nhiều.

Các bạn gái chạy đi mua trái cây và hoa tươi tặng cô (cô giáo em vốn thích hoa) còn các bạn trai thì chuẩn bị xe đạp, bơm lốp căng thêm để chở nhau. Ai cũng mong được gặp cố giáo để hỏi thăm sức khỏe và nói chuyện với cô.

Trời mùa đông nhưng chỉ hơi lạnh và nắng ứng lên rất đẹp. Chúng em đạp xe dọc theo các dãy phố nông nàn mùi hoa sữa và đầy hoa bằng lăng tím. Giá lúc này có cô cùng đi thì vui biết mấy? Có bạn xúc động với cảnh đẹp của đất trời, khe khẽ hát một vài câu về *"Mùa thu Hà Nội"*! Thời tiết như cũng chiều lòng người. Bầu trời thủ đô trong xanh, phố phường vui tươi, nhộn nhịp như một dự cảm tốt lành về buổi đến thăm cô giáo.

Bệnh viện đây rồi. Thấp thoát những áo bờlu trắng đi lạ nhanh nhẹn trên các hành lang. Những vườn hoa thoáng mát với lối đi rải sỏi sạch sẽ. Trên ghế đá, dưới bóng râm, các bệnh nhân ngồi nghỉ ngơi thư giãn. Thỉnh thoảng một chiếc xe cấp cứu rú còi chạy vào sân phá tan bầu không khí yên tĩnh.

Cô giáo nằm ở khu nhà B, tầng 3, phòng 4. Chúng em nhanh chóng gửi xe, chạy ào đến cầu thang và cứ nhảy hai bậc một lên tầng để sớm được nhìn thấy cô. Chỉ bạn Lan ôm bó hoa là không dám nhảy, sợ rụng hết hoa tươi tặng cô, đang xị mặt như hờn dỗi. Cuối cùng, chúng em đã đứng trước phòng số 4. Cửa phòng khép hờ. Bạn lớp trưởng vừa gõ nhẹ thì đã nghe tiếng cô vọng ra, nhẹ nhàng, âu yếm: "Các em ở lớp 6A phải không? Vào đi!" Chúng em đẩy cửa, ùa vào phòng như đàn chim non sà về tổ mẹ.

- Chào cô ạ!

- Em chào cô ạ!

Cô giáo gượng ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường, nở một nụ cười trên gương mặt mệt mỏi, nhìn khắp lượt các gương mặt học trò thân yêu:

- Chào các em! Lan, Thu, Hà... lại Tuấn, Nam, Sơn,... cả út Dung của cô nữa. Dung đến thăm cô thì ai nấu cơm cho bà? Ôi, lại bé Cường nghịch ngợm, cô hay mắng thế mà không giận cô ư? Cám ơn các em nhiều! Nào, lại cả đây, ngồi cả xuống đây với cô, rồi kể chuyện trường, lớp cho cô nghe đi nào? Mới xa các em có vài ba ngày mà cô nhớ quá!...

Chúng em đến gần xung quanh cô. Giường sắt, rải ga trắng muốt với tấm chăn len màu gạch. Bạn Hà khẽ kéo tấm chăn lên đắp nửa người cho cô giáo. Còn bạn Lan, thay mặt lớp, tặng cô bó hoa tươi và chúc cô chóng bình phục để về với lớp. Ôm bó hoa trong tay, cô xúc động nhìn chúng em:

- Ôi, hoa đẹp quá! Nhưng tấm lòng các em còn đẹp hơn hoa nhiều! Cô xin cám ơn tất cả các em!

Bạn Thu gọt táo mời cô. Cô bảo chúng em cùng ăn với cô cho vui. Vừa ăn, chúng em vừa thi nhau kể chuyện trường, chuyện lớp cho cô nghe. Cô nghe chăm chú, đôi mắt mỏi mệt

thỉnh thoảng lại sáng lên lấp lánh. Rồi cô thủ thỉ nói với chúng em:

- Trong đời dạy học của cô, đây là những phút giây hạnh phúc nhất. Cô đã từng là mẹ, đã từng hạnh phúc từ những đứa con, nay lại có thêm một nguồn hạnh phúc mới là các em. Cô coi các em cùng như những đứa con của cô... Có người mẹ nào lại không mong con khôn lớn nên người?...

Bé Cường bẽn lẽn cúi đầu mân mê tà áo. Còn út Dung thì mở to mắt nhìn cô vì thấy khuôn mặt của cô sao giống khuôn mặt người mẹ thân yêu khi còn sống. Tất cả chúng em đều im lặng để cho lời nói ân tình của cô cứ thấm sâu mãi vào tâm hồn mình...

Trưa mùa đông, nắng ấm bỗng bừng lên rực rỡ. Cô tiễn chúng em ra cửa, bắt tay từng đứa một và khẽ hôn lên mái tóc bé Cường. Nụ cười mệt mỏi hé nở trên khuôn mặt xanh xao của cô. Nhìn kĩ, thấy mắt cô lấp lánh ngấn nước.

(Bài làm của một học sinh Hà Nội)

ĐỀ 12

Mười năm sau, em lại trở về thăm ngôi trường đang học hôm nay. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó.
(Chuyện kể bằng sự tưởng tượng của người viết)

BÀI LÀM

HỘI TRƯỜNG ĐỒNG NGA, NĂM 2012

Thu Hà và Thu Hồng là hai chị em sinh đôi, giống nhau như hai giọt nước. Năm nay, cả hai đều lên lớp 6H, do cô Hòa

Lan dạy văn và làm chủ nhiệm. Ngày 16 tháng 12 năm ngoái (2002), trường Đồng Nga mở hội kỉ niệm 80 năm thành lập trường (1922 - 2002). Vui ơi là vui! Cơ mà mệt quá! Vì hai chị em tham gia những ba tiết mục chào mừng: Hai bài hát, một điệu múa đôi được khán giả vỗ tay rào rào!

Tối hôm ấy, hai chị em được bố mẹ cho phép đi ngủ sớm. Nhưng kì lạ chưa, trằn chọc mãi mà có ngủ được đâu! Càng kì hơn nữa là vừa thiếp đi, cả hai đã mơ một giấc mơ tuyệt đẹp giống nhau: Tham dự ngày Hội trường Đồng Nga mười năm sau – năm 2012. Khi ấy Thu Hà và Thu Hồng đã hai mươi mốt tuổi năm tháng rưỡi, đang là sinh viên năm cuối của trường Đại học Sư phạm Thủ đô (tiền thân là trường CĐSP Hà Nội), bồi hồi về thăm lại trường xưa.

***

...Nhớ lại mười một năm trước, khi hai cô gái nhỏ vừa tạm biệt mái trường Tiểu học Đồng Nga A – ngôi trường thân yêu dưới bóng cây hoàng lan gắn bó suốt 5 năm học, với bao kỉ niệm ngọt ngào để chuyển sang trường THCS mới xây dựng ngoài đồng. Quả thật trường mới cao rộng, bề thế hơn nhiều. Nhưng cả hai chị em phải một thời gian khá lâu sau mới quen, mới thích. Năm tháng trôi nhanh. Tốt nghiệp THCS, lên THPT vào học ở trường Xuân Đỉnh, rồi bốn năm qua, Hồng và Hà được đào tạo chính quy ở một trường ĐHSP tốt nhất, hiện đại nhất của Thủ đô Hà Nội. Vậy mà hai cô gái làng Chẽ này chỉ mong có ngày trở về thăm lại ngôi trường tuổi thơ yêu dấu.

Thì giờ đây, ngày ấy đã tới!

Hỏi không xốn xang, náo nức sao được?

Thướt tha và dịu dàng trong hai bộ áo dài lụa trắng, Thu Hà và Thu Hồng dắt tay nhau men theo dọc bờ đê đã thành dải

đường nhựa mịn màng, dung dăng đi bộ đến trường. Cổng trường kia rồi. Rực rỡ cờ hoa, khẩu hiệu, băng rôn chào mừng. Lão Tiên đồng Hoàng Lan, trải mười năm gió bụi mà hình như chẳng già đi chút nào, vẫn tỏa hương ngan ngát. Trong hương hoa thoang thoảng, dưới bóng lợp của tán lá tầng tầng, tai vẫn nghe tiếng loa truyền đi lời diễn văn chào mừng kỉ niệm của cô Hiệu trưởng – Nhà giáo Ưu tú Đỗ Hòa Lan (Cô giáo chủ nhiệm của hai chị em hồi lớp 6, ba năm trước đã được bầu làm người lãnh đạo cao nhất của một trường học lớn gần 60 lớp, hơn 2000 học sinh khu vực Đồng Nga, cầu Thăng Long này), mắt hai chị em như loa lóa trước bao sắc màu lộng lẫy của hoa, của bóng bay, khăn quàng đỏ rực trên ngực cả ngàn thiếu niên, nhi đồng, khuôn mặt bừng sáng, hớn hở niềm vui.

Phần nghi lễ qua từ lúc nào. Hai chị em vội đi chào các thầy, cô giáo cũ. Cô Hòa Lan mỗi tay ôm choàng một đứa, nụ cười rộng mở mà nước mắt quanh mi:

- Trời! Hai con gái của cô đã lớn, xinh thế này rồi ư? Sang năm ra trường có định về quê dạy học không đấy?

- Vâng! Thưa cô! Có, có chứ ạ!

Hồng, Hà líu ríu đáp. Bụi phấn còn vương hay sương chiều đã phảng phất trên mái tóc dài mây buông ngày ấy của cô, nay cũng đã ngắn, mỏng khá nhiều!

Tạm rời tay cô, Hồng, Hà rảo bước tới căn phòng, nơi hai chị em ngồi học năm lớp 5. Thay đổi nhiều quá! Hà thốt lên, ngạc nhiên khi bước vào căn phòng sáng trưng, hiện đại. Hóa ra bây giờ học sinh được học theo các phòng bộ môn. Phòng học toán, phòng học văn, sử, địa, sinh vật, thể dục, họa, nhạc v.v... Căn phòng xưa của hai chị em giờ thành phòng chuyên dạy học văn với năm dàn máy vi tính, hệ mới nhất. Trên tường, treo ảnh chân dung các tác giả được học trong chương trình. Sát

tường phía dưới là các ngăn sách giáo khoa Tiếng Việt, Kể chuyện, các tạp chí, tập san, báo Văn nghệ trẻ, Thiếu niên, Hoa học trò, Mực tím... Bảng phớt trắng tinh. Máy chiếu hắt đặt ở góc phải. Micrô: 4 chiếc. Bàn, ghế học sinh xếp 3 dãy, mỗi dãy 4 bàn, mỗi bàn ngồi có 2 người. Mỗi lớp không vượt quá 25 học sinh.

- Chẳng thua gì phòng học của ĐHSP Thủ đô, Hồng nhỉ? Hà tấm tắc.

Năm mươi phòng phục vụ cho việc dạy học trong một tòa nhà 5 tầng với hệ thống thang máy và điều hòa nhiệt độ, vẫn đứng cách toà nhà cổ với cây Hoàng Lan, cây sấu, cây phượng, cây bàng, cây phi lao... cũng chẳng già đi bao nhiêu... một khoảng sân gạch vuông đỏ, không rêu.

***

- Lão Tiên đồng Hoàng Lan ơi, Hoàng Lan!

Nhất định sang năm chị em cháu sẽ trở về đây làm cô giáo, để được sớm chiều bên ông, dìu dắt lớp đàn em, để được đền ơn các thầy cô, đề ơn mái trường nôi ấm, đền ơn cả bóng mát và hương thơm của Hoàng Lan lão tiên nữa đấy!

- Về đi! Về đi! V...ề...ề...đ...i...i...!

Tiếng cây già giục gọi hay tiếng loa truyền thanh vang động, kéo dài làm hai chị em bừng tỉnh giấc? Chết thôi! Đã sáng banh mắt ra rồi!

ĐỀ 13

Có những giờ học đã để lại ấn tượng sâu sắc về cô giáo của em. Hãy kể lại một giờ học như thế.

(Kể chuyện có một số yếu tố hư cấu)

BÀI LÀM

GIỜ TRẢ BÀI LÀM VĂN CỦA CÔ NGÁT

Đề bài tả người hôm nay thật khó. Cô chép đề lên bảng xong được một lúc lâu mà tôi vẫn không sao viết nổi được một chữ! Đưa mắt nhìn quanh, cả lớp 6D đang cắm cúi làm bài, riêng mình tôi loay hoay. Tôi thử nhìn sang bên cạnh: Cái Thi – được mệnh danh là cây văn của lớp. Nó tả thật bay bướm:

Cô giáo của em có mái tóc đen, dài óng ả, khuôn mặt trái xoan tươi tắn, nước da trắng hồng.

Tôi thầm nghĩ: Sao nó lại tả cô giáo như thế nhỉ? Tôi lại ngước nhìn cô Ngát – cô giáo chủ nhiệm lớp chúng tôi từ khi nhập trường đến nay. Cô không xinh. Mái tóc dài, hoe hoe vàng. Khuôn mặt tròn, phúc hậu. Da đen sạm.

Thấy tôi nhìn cô trân trân như người mất hồn, cô nhẹ nhành đến bên:

- Sao em chưa làm bài, hở Na?

Tôi giật mình, vội cuối xuống, viết những chữ đầu tiên...

Rồi tiết làm văn cũng trôi qua, tôi cũng gắng hoàn thành bài làm của mình. Trên đường về, Thi hỏi tôi tả cô giáo như thế nào? Tôi tả lại hình ảnh cô Ngát trong tôi. Thi tròn xoe mắt:

- Cậu không sợ cô ghét à?

Nghe Thi nói, tôi chợt hoang mang, lo sợ.

Hai tuần sau, giờ trả bài đã tới. Cô Ngát hỏi:

- Các em thử đoán xem, bạn nào được điểm cao nhất?

- Bạn Thi phải không ạ? Cả lớp nhao nhao.

Cô giáo không trả lời, mà rút một tờ giấy ở cuối tập bài kiểm tra, nhẹ nhành, thong thả đọc:

Gửi em thương yêu!

Từ ngày xa quê, không phút nào anh không nhớ đến em và các con, nhớ xóm làng mình. Anh nhớ màu tóc em hoe vàng, làn da sạm đi vì nắng. Nhớ...

Có tiếng cười rúc rích.

Cô nghiêm mặt:

- Các em có nhận ra người được nhắc tới ở đây là ai không?

- Thưa cô! Có ạ! Cơ mà... Buồn cười thế nào ấy ạ!

Cô Ngát dịu giọng:

- Cô rất trân trọng tình cảm của các em dành cho cô. Nhiều em tả cô tóc đen, da trắng, chứng tỏ các em rất yêu quý cô. Chính vì vậy, mặc dù *cũng với những câu văn ấy, các em đã viết trong bài văn tả mẹ tuần trước*, cô vẫn cho các em điểm trung bình trở lên.

Đâu đấy có tiếng vỗ tay. Cô tiếng về phía tôi:

- Bài văn được điểm cao nhất lần này là của bạn Na. Cô cho Na điểm 9 vì tính trung thực và dũng cảm. Na đã dám viết sự thật về cô giáo đang dạy mình.

Tôi đưa tay đón bài viết của mình mà lòng rộn ràng. Lần đầu tiên tôi được điểm văn cao như thế. Trong giây phút ấy, tôi

nhận ra tay cô giáo cũng run run khi vuốt lại mép tờ giấy duy nhất còn lại. Cô bảo đó là *bức thư cuối cùng chú gửi cho cô*. Mấy chục năm qua, cô vẫn nâng niu, giữ nó bên mình.

Tôi lặng người đi vì xúc động. Bài văn trên tay rơi xuống lúc nào không hay...

(Theo truyện ngắn "Bài văn tả cô giáo" của ***Vũ Thị Thìn****;*
Sách ***35 tác phẩm được giải*** *... t.90 - 92)*

ĐỀ 14

Cô giáo là người mẹ thứ hai ở trường của em. Em hãy kể một câu chuyện về "Người mẹ thứ hai" của em.

(Kể chuyện có một số yếu tố hư cấu)

BÀI LÀM

CHIẾC GỐI CỦA EM

Hồi em học lớp hai, một hôm giờ Thủ công cô giáo bảo:

- Mỗi em tự làm lấy một cái gối con lau bảng để chấm điểm và để sử dụng cho lớp suốt năm học.

Em lo sợ quá, vì việc khéo tay này phải có sự chỉ đạo của mẹ mới mong có được cái gối con xinh xắn, mà... em thì không còn mẹ, không có luôn những mảnh vải hoa màu sặc sỡ. Đã mấy lần em định nói với ba nhờ ba giúp, nhưng nhìn bàn tay ba cứng ngắt đầy vết chai (vì ba làm công nhân vác nước đá mà) nên lại thôi. Tay ba như vậy thì làm sao khéo léo được.

May mắn em lượm được một chiếc mũ len của em bé. Em tự tay may bốn góc lại, rồi đi nhặt mấy trái gòn khô đập vỡ lấy

ruột dồn vào đấy. Dù em đã cố gắng hết sức, cái gối con của em làm vẫn không đẹp tí nào.

Giờ nộp gối chấm điểm, em xấu hổ và tủi thân úp mặt xuống bàn mà khóc, vì quanh em là tiếng cười nhạo của các bạn... không cười sao được bởi cái gối con của em, nó xấu xí làm sao, khi nằm cạnh những cái gối con có màu sắc rực rỡ. Có cái còn viền ren trắng, ren xanh, được may bằng máy cẩn thận.

Cô cầm cái gối của em đưa lên, các bạn lại cười lớn. Cô giáo nghiêm khắc nói:

- Các em không nên cười bạn, đây mới đúng là cái gối tự tay mình làm ra, còn đây là những cái gối của mẹ các em may. Chiếc gối của em Anh xứng đáng được điểm 10.

Cả lớp im bặt. Cô đi xuống vuốt tóc em:

- Nín đi em, có gì đâu mà khóc, em giỏi lắm!

Bàn tay cô vuốt ve trên tóc, khiến em chợt nhớ tới mẹ.

Em mang ơn cô vô cùng. Em thầm thì ước ao:

- Mẹ ơi! Phải chi mẹ đừng bỏ con mà đi...

VÕ THỊ KIM ÁNH

Lớp 7/1 trường THCS Minh Trí, Rạch Sỏi – Kiên Giang

(Những bài làm văn hay lớp 7 - Nxb Giáo dục, 1998)

ĐỀ 15

Có những kỉ niệm từ thời thơ ấu với ông bà mà em không thể nào quên. Hãy kể lại một kỉ niệm sâu nặng đối với ông bà kính yêu của em.

(Kể chuyện có một số yếu tố hư cấu)

BÀI LÀM

CHÙM BỒ KẾT VÀ QUẢ CHANH TRÊN BÀN THỜ ÔNG BÀ

Khi tôi lớn lên thì vườn nhà đã sum suê cây trái và xanh mướt tự bao giờ. Mẹ tôi bảo vườn nhà do ông bà tôi gây dựng từ lâu, nay ông bà qua đời nhưng vườn cây thì đã râm bóng mát, buổi sáng rộn tiếng chim và mùa hè ran khúc nhạc ve kêu. Trước chỉ là một bãi đất hoang cằn cỗi, ông bà đã khai phá đổ bao mồ hôi nước mắt để tạo dựng nên vườn này. Ông đi xin giống cây, đánh gốc từ những làng xa mang về trồng, còn bà thì gánh nước tưới cây và chăm bón cho cây. Vườn không thiếu một thứ gì: mít, cam, bưởi, hồng, nhãn, doi, na, ổi... mùa nào thức ấy, ra quả quanh năm. Cạnh vườn giáp đầm làng ông còn trồng thêm một hàng dừa tỏa bóng râm mát, nặng trĩu những chùm quả trên ngọn cây cao...

Ôi, vườn xưa ông bà để lại cho bố mẹ tôi, cho chúng tôi. Từng gốc cây, từng chùm quả, từng bóng râm mát... nơi đâu cũng in dấu bàn tay ông bà, cũng đều thấm đẫm mồ hôi nước mắt ông bà. Uống cốc nước dừa ngọt mát ngày hè, ăn quả hồng trứng đỏ mọng với cốm mùa thu, nỗi nhớ ông bà lại trào lên trong lòng cháu. Nhưng cháu nhớ nhất là cây bồ kết và cây chanh ông bà "*trồng cho cháu gái*". Mẹ kể: ông bà đã có ba cháu nội là trai

(các anh tôi) nên ông bà mong có một đứa cháu gái. Ngày mẹ sinh tôi, ông bà mừng lắm. Ông sang tận làng bên xin về cây chanh và cây bồ kết con trồng để *"ít nữa lớn lên cháu nó gội đầu"*. Và bà đã chăm bón, tưới cho cây xanh tốt lớn lên. Đến ngày chanh và bồ kết ra hoa kết quả thì tôi cũng đã lớn. Bà đã dạy cho tôi cách gội đầu bằng bồ kết và chanh trong mùa bói quả đầu tiên của nó để *"làm duyên, làm dẹp cho cháu gái của bà"*. Nhìn bà gội đầu cho cháu, mắt ông cười vui rạng rỡ...

Thế mà giờ ông bà đã không còn nữa. Vườn cây còn đó mà ông bà đã đi xa. Ngày giỗ ông bà, trên mâm hoa quả bao giờ tôi cũng bày thêm một chùm bồ kết và mấy quả chanh của vườn nhà do chính tay ông bà đã trồng cho đứa cháu gái yêu. Và trong lòng tôi ngân lên một nỗi nhớ da diết:

Ơi chanh, bồ kết vườn nhà

Cây bao nhiêu quả nhớ ông bà bấy nhiêu...

(Bài làm của một học sinh tỉnh Hà Tây)

PHẦN III

VĂN THUYẾT MINH

HƯỚNG DẪN

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, văn thuyết minh có một vai trò quan trọng khi nhu cầu hiểu biết của con người đối với thế giới xung quanh ngày càng nhiều.

Bài văn thuyết minh cung cấp cho người đọc những tri thức (kiến thức) về cuộc sống và những tri thức (kiến thức) về văn học. Nó phải đạt được hai yêu cầu sau đây:

- *Yêu cầu chuẩn xác* (tức yêu cầu khoa học của nó): nhằm thuyết minh đúng đắn, chính xác đối tượng được thuyết minh để người đọc hiểu rõ và hiểu đúng đối tượng đó. Đây là yêu cầu cơ bản của bài văn thuyết minh.

- *Yêu cầu hấp dẫn*: Muốn cuốn hút người đọc, bài văn thuyết minh phải sinh động, hấp dẫn. Đây là yêu cầu thêm vào của bài văn thuyết minh nhằm làm cho người đọc thích thú, yêu quý đối tượng thuyết minh.

Do yêu cầu chuẩn xác là cơ bản, bài văn thuyết minh dùng *văn phong khoa học* là chủ yếu; khi cần có thêm yêu cầu sinh động, hấp dẫn mới dùng *văn phong nghệ thuật* và hai loại văn phong này phải được kết hợp một cách nhuần nhị, tự nhiên trong bài văn thuyết minh.

Dưới đây, giới thiệu *15 đề văn thuyết minh*: *10 đề* về các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người... trong cuộc sống và *5 đề* về văn học (gồm tác phẩm văn học, tác giả văn học, thể loại văn học, kết hợp tác giả và tác phẩm). Các đề thuyết minh về cuộc sống đều có sự kết hợp hai yêu cầu chuẩn xác, hấp dẫn và được thể hiện ở những mức độ khác nhau trong các bài làm hoặc bài văn tham khảo.

ĐỀ 16

Thuyết minh vai trò của cây cối trong việc bảo vệ môi trường sống.

BÀI THAM KHẢO

CHIẾC NÔI XANH

(Lược trích)

Chúng ta luôn luôn nằm trong lòng chiếc nôi xanh của cây cối – đó là cái máy điều hòa khí l vĩ đại của chúng ta.

Những số liệu đáng tin cậy của các nhà vệ sinh học kết luận rằng ngồi dưới tán cây bàng, ta bớt được 4 lần cái nóng cháy da buổi trưa hè trên đường nhựa.

Diện tích vô cùng to lớn của các tầng lá trùng điệp đã cản 50% bụi đường, tính ra trong một vụ hè, một hàng 100 cây ở đường phố đã giữ lại 340 kg bụi, để giũ xuống mặt đường sau mỗi trận mưa.

Cây cối còn là hàng rào cách li tiếng động, hấp thụ và hắt lại những sóng âm thanh hỗn tạp để khỏi làm chấn động thần kinh. Một vòng đai cây dày 17-20 m đủ đảm bảo an toàn cho nhà ở chống tiếng ồn. Nếu trồng cây sát nhà ở hay đường đi, nơi phát ra tiếng động, thì một vòng đai cây dày 7-10 m là đủ.

Người ta ví rất đúng: cây xanh là lá phổi của hành tinh chúng ta. Tất cả các sinh vật đều thở, và liên tục hút dưỡng khí, thải thán khí. Nhà máy lại tuôn ra khí độc và khói làm ô nhiễm không khí. Đất cũng "thở", nhất là đất tơi, xốp, ẩm, cành lá cây mục, các chất hữu cơ phân giải, nấm mốc và vi khuẩn hô hấp đã thả ra rất nhiều thán khí.

Không có cây xanh thì chẳng mấy chốc muôn loài sẽ ngạt thở. Tuy ban đêm cây cũng hô hấp, nhưng ban ngày cây lại hấp thụ thán khí, kết hợp với ánh nắng để trả lại dưỡng khí và tạo nên chất bột đường. Cho nên không khí ban ngày ở nhà có cây xanh bao bọc chứa rất ít thán khí, chừng 0,02% (đạt tiêu chuẩn vệ sinh). Mỗi năm tất cả cây cối trên mặt đất và dưới biển đã hấp thụ 175 tỉ tấn thán khí và mỗi tấn thán khí lại biến thành 2,7 tấn dưỡng khí.

Cây cối ngăn cản và lọc khí độc trong không khí. Trong rừng thông, rừng bá hương, không khí hầu như vô trùng. Lượng vi trùng gây bệnh trong không khí ở nông thôn hay rừng ít hơn thành phố 10 lần. Chẳng hạn về mùa hè trên đường phố Pa-ri, mỗi phân khối không khí chứa 5.500 vi khuẩn các loại, nhưng các làng mạc ngoại ô chỉ có 550 vi khuẩn trong mỗi phân khối không khí. Điều đó chứng minh rằng cây xanh đã thả ra các chất thanh trùng không khí để tự bảo vệ, mà khoa học gọi là chất phi-tôn-xít.

(Nguyễn Bát Can – Lã Vĩnh Quyên,
Sức khỏe thanh niên, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1968.
Tên đoạn trích do NBS đặt.)

ĐỀ 17

Tác hại của việc hủy diệt động vật hoang dã.

BÀI THAM KHẢO

TẤN THẢM KỊCH Ở KANSAS

Youri Dmitriev

Tấn thảm kịch xảy ra cách đây khá lâu. Nhưng thiên hạ vẫn chưa quên nó, và những gì đã xảy ra trên thảo nguyên Bắc Mĩ sẽ khiến ta phải xấu hổ trong nhiều năm sau.

Trên những thảo nguyên đã từng sống thành đàn những con thú khỏe đẹp được gọi là bò rừng, mà người Mĩ gọi là "trâu". Người da trắng đầu tiên được thấy chúng là một thủy thủ người Anh. Năm 1612 khi đang ngược dòng sông Pôtmak bằng tàu thủy, ông sửng sốt trước hàng đàn "bò rừng" gặm cỏ ở đây. Về sau, nhiều du khách cho biết họ đã thấy một đàn thú chạy cọ sát vai nhau – có thể nói như vậy – chiếm một vùng đất rộng 40 km và dài 80 km. Họ nhấn mạnh vào bản tính thân thiện của những con thú này. Tuy to lớn khỏe mạnh (con đã trưởng thành cân nặng đến 1.200 kg), chúng vẫn rẽ lối nhường cho những con thú yếu hơn, và nếu có kẹt giữa đàn bò rừng đang chen chúc nhau, ta vẫn có thể thoát ra khỏi, chẳng bị sây sát gì.

Sau này, người ta tính ra có hàng triệu con bò rừng đã từng sống trên những thảo nguyên Bắc Mĩ.

Và bỗng nhiên, những người da trắng tràn ngập vùng đất này. Tất cả những ai có thể ngồi trên yên ngựa và biết bắn đôi chút đều đi săn bò rừng.

Vì vậy mà năm 1801, trên các thảo nguyên, chẳng còn lấy một con bò tót.

Ba mươi hai năm sau nữa, không tài nào tìm thấy một con bò tót từ New York đến sông Misissippi.

Nhưng bò tót vẫn còn sống ở miền tây lục địa.

Người ta ước chừng còn gần 60 triệu con. Thế là cả một đạo quân thợ săn đổ xuống đi săn tìm chúng.

Chẳng những người ta săn bò rừng, mà còn tìm cách tiêu diệt chúng vì những lí do chính trị.

Bò rừng vốn thường lang thang qua khắp các vùng thảo nguyên và những bộ lạc du mục người da đỏ lần theo dấu chân chúng. Đối với dân da đỏ, bò rừng là nguồn sống chủ yếu. Người da đỏ ăn thịt chúng, lấy da làm áo quần, giày dép, căng lều chõng và căng trên những giá gỗ thành những con thuyền độc mộc sử dụng rất nhẹ nhàng. Họ còn dùng gân bò rừng bện thành dây cung và dây thông lọng, dùng xương để chế tạo các loại dụng cụ, từ cây kim đến chiếc búa, và sừng bò được cải biến thành dụng cụ nấu nướng và chuôi dao.

Dĩ nhiên người da đỏ cũng săn bò rừng. Nhưng họ chỉ giết một số lượng cần thiết cho sự sống còn của bộ lạc. Ngoài ra, họ còn bảo vệ bò rừng con chống lại loài chó sói thảo nguyên.

Vào thời Colombus tìm ra Châu Mỹ, người ta ước tính có đến cả chục vạn dân da đỏ sinh sống trên "vùng đất bò rừng" và sống nhờ vào loài thú này. Nhưng số bò rừng không vì thế mà suy giảm.

Bò rừng cung cấp lương thực, áo quần cho người da đỏ và do đó giúp giống dân kiêu hãnh và tự do này giữ được độc lập đối với người da trắng mới đến, khiến họ rất bực tức. Vì không có

cách nào chinh phục được người da đỏ nên người da trắng bắt đầu cuộc thập tự chiến chống lại bò rừng. Từng đội lính vũ trang và "người tình nguyện" được chính quyền quân sự tiếp tế đạn dược, mở màn cuộc tấn công có kế hoạch vào đàn bò rừng. Họ lần theo vết chân bò rừng và để lại vô số xác bò rừng chết dọc theo đường họ đi. Họ không có sức sử dụng đến cả một phần nhỏ các chiến lợi phẩm, mà họ cũng chẳng muốn thế. Nhiệm vụ của họ là buộc người da đỏ phải chết đói. Và họ đã thành công. Bộ lạc Sioux dũng cảm cùng những bộ lạc khác, bị cướp mất phương tiện sinh sống, bắt đầu chết dần chết mòn vì đói và rét.

Trong khi tại Bắc Mĩ, binh lính và thợ săn đang sát hại bò rừng nhằm bắt người da đỏ phải quỳ gối, thì ở miền Nam bò rừng lại bị tiêu diệt vì mục đích khác.

Ngày 1 tháng 7 năm 1862, Tổng thống Hoa Kì kí một đạo luật thành lập hai công ti đường sắt Liên hiệp Thái Bình Dương và Trung ương Thái Bình Dương. Đường sắt nối liền Chicago đến San Francisco được thiết lập. Đám nhà thầu sớm nhận ra rằng công nhân xây dựng có thể cung cấp thịt rẻ mà ngon lấy từ bò rừng. Thế là họ mướn những tay thợ săn chuyên việc tàn sát này. Phải chi họ chỉ giết thú để đủ dùng vào lương thực, thì tấn thảm kịch đã không xảy ra. Thật ra, công nhân xây dựng chẳng cần nhiều thịt đến thế, và sau khi công trình xây dựng hoàn tất, vẫn còn khá nhiều bò rừng. Nhưng đám thợ săn cứ lổng lộn lên. Việc giết chóc ăn sâu vào đầu óc họ, nhất là khi nó chẳng đưa đến nguy hiểm gì cho bản thân họ. Những con thú hiền lành nhút nhát này, tuy rất khỏe, song chẳng bao giờ tìm cách trả miếng lại, hoặc tấn công kẻ sát hại mình. Dưới làn mưa đạn, chúng chỉ kiếm đường chạy trốn, càng nhanh càng tốt, nhưng vì bầy đông gây trở ngại cho việc chạy thoát thân, nên thường chúng lao vào nhau, giẫm lên nhau tại chỗ.

Điều thường xảy ra là trong số hàng ngàn bò rừng bị giết người ta chỉ lấy một ít khoanh thịt để làm thức ăn. Đôi khi những kẻ giết chúng chỉ thích cắt lấy lưỡi mà thôi.

Những cánh đồng cỏ Bắc Mĩ, chạy từ hồ Eric đến Texas, rải rác những đống xương trắng. Đường sắt Thái Bình Dương vừa khánh thành, quảng cáo những thuận lợi săn thú thật kì diệu – ngay từ cửa toa tàu, ta có thể săn bò rừng. Họ đã không quảng cáo dối. Những con thú đầy tin tưởng vẫn tiếp tục gặm cỏ gần đường ray. Lúc đến gần bầy thú đang gặm cỏ một cách bình yên, người lái sẽ cho tàu chạy chậm lại, và súng sẽ nổ vang từ những cửa toa, làm rung chuyển cả bục và mui tàu. Đoàn tàu vẫn tiếp tục lăn bánh, để lại phía sau hàng trăm xác thú chết. Chẳng ai cần đến thịt hoặc da của chúng, các hành khách cũng chỉ cần chút kích thích sôi nổi trong việc giết chóc thôi.

Nhưng chẳng bao lâu người ta nhận ra giá trị của da bò rừng – chẳng thế mà người da đỏ tồn trữ một số lượng lớn da bò – và một đợt giết bò rừng lại mở màn. Chỉ trong một mùa săn (hai hoặc ba tháng), có hơn 200 ngàn bò rừng bị hạ ở bang Kansas. Từ năm 1870 đến 1875 hàng năm có khoảng 2,5 triệu con thú bị giết.

Từng đoàn tàu hàng chất đầy da bò rừng nối tiếp nhau chạy trên con đường ray mới. Da được đưa đến một công ti chuyên môn. Một công ti khác được thành lập để chế biến xương bò thành phân bón và thuốc nhuộm đen. Chỉ trong vòng hai năm, người ta đã cung cấp 8,5 triệu kg xương bò.

Sau nhiều năm tàn sát bừa bãi, giống bò rừng biến mất khỏi vùng thảo nguyên Bắc Mĩ. Số ít đàn bò còn sót đến lánh nạn tại Texsas nhưng các tay săn cũng đuổi theo. Năm 1883, họ giết 59 con cuối cùng tại Texsas. Chỉ còn sống sót lại bốn con, nhưng rồi cũng bị bắt gặp và bị giết năm 1889.

Năm 1880, những con bò rừng cuối cùng tại miền Bắc cũng đến ngày tận số. Các tay thợ săn bám sát một bầy bò rừng đã chạy thoát khỏi cuộc tàn sát, và trong vòng ba tháng mỗi tay thợ săn bình quân hạ từ một đến hai ngàn con.

Trong vòng 50 năm, người Mĩ đã giết 75 triệu con bò rừng.

Đỗ Quang Dinh và Lê Khánh dịch.

ĐỀ 18

Giới thiệu một di tích lịch sử của đất nước.

BÀI THAM KHẢO

KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG

Khu di tích đền Hùng dựng trên núi Nghĩa Lĩnh – nay thuộc xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 94 km về phía Bắc.

Nơi đây, xưa là Quốc đô của nhà nước Văn Lang, dưới quyền trị vì của 18 đời vua Hùng, đóng đô ở Phong Châu.

Theo sử cũ, sau khi định đô ở Phong Châu, các vua Hùng đã chọn núi Nghĩa Lĩnh làm nơi tế trời và các thần. Núi Nghĩa Lĩnh cao 175 m, nằm trên địa phận thôn Cổ Tích, xung quanh là một chuỗi gò nhấp nhô, trùng điệp. Tương truyền có tất cả 100 ngọn đồi, thì 99 ngọn vốn là 99 con voi có nghĩa, phủ phục chầu núi Tổ, riêng một con bất nghĩa, quay ngược lại bị chém đầu, vì vậy vùng này có một quả đồi có vết xẻ thành khe.

Khu di tích Đền Hùng gồm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ, lăng vua Hùng thứ 6, đền Giếng ở phía Đông Nam dưới

chân núi Nghĩa Lĩnh (vì trong đền có Giếng Ngọc, nơi công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa là 2 con gái của Vua Hùng thứ 18 thường soi giếng để chải tóc, vấn khăn, nên gọi là đền Giếng).

Vào cổng đền, trèo 225 bậc đá là đến *đền Hạ*. Tương truyền đây là nơi Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng, nở ra thành trăm con: 50 người theo cha là Lạc Long Quân về xuôi, 50 người theo mẹ lên núi, trong đó có người con đầu làm vua nước Văn Lang, đó là vua Hùng thứ nhất. Trong khu vực đền Hạ còn có chùa Thiên Quang, trước chùa có cây Thiên Tuế trăm tuổi.

Từ đền Hạ, qua nhà bia bên gốc đại già, đi xuống chân núi ở mặt Đông Nam thì đến đền Giếng.

Từ đền Hạ lên tới *đền Trung*, tương truyền là nơi các vua Hùng bàn việc nước với quần thần.

Từ đền Trung lên tới *đền Thượng*, là nơi vua Hùng làm lễ trời, đất, núi, sông. Trước đền Thượng có một cột đá dựng lên bệ cao, được gọi là "*đá thề*". Tương truyền, đây là nơi An Dương Vương Thục Phán đã nguyện đời đời tế tự các vua Hùng và giữ gìn cơ nghiệp họ Hùng để lại.

Phía bên đền Thượng là Lăng Vua Hùng, tượng trưng cho Mộ Tổ.

Tại đền Hạ, Hồ Chủ tịch đã nói chuyện với bộ đội sư đoàn 308 trước khi về tiếp quản Thủ đô tháng 10 – 1954, với câu nói nổi tiếng: "***Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước***".

Trong khu di tích còn có nhà bảo tàng Hùng Vương.

Hội đền Hùng được mở vào ngày mồng mười tháng ba âm lịch. Sáng mồng mười có tế và rước cỗ, mỗi làng lân cận có một loại cỗ, riêng làng Cổ Tích có tục lệ dâng lễ vật bằng bánh Giầy

và ba loại xôi múa (xôi trắng, xôi nhuộm đỏ và xôi tím). Trong lễ hội còn có lễ đánh trống đồng trên đền Thượng, lễ đốt đuốc ở đền Hạ và nhiều trò diễn dân tộc (đấu vật, đu tiên, múa kiếm,...).

Hội Đền Hùng là Quốc lễ giỗ tổ Hùng Vương. Nhân dân mọi miền trẩy hội, hành hương về đất Tổ với tình cảm tưởng nhớ cội nguồn, tưởng nhớ các vua Hùng và Tổ tiên.

(Theo Hùng Cương, *Thăng Long - Hà Nội ngàn năm*, số 6 – 2002)

ĐỀ 19

Giới thiệu một danh lam thắng cảnh của đất nước đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

BÀI THAM KHẢO

PHONG NHA – KÌ QUAN ĐẤT NƯỚC

Quảng Bình, mảnh đất nhỏ hẹp và khắc nghiệt của miền Trung lại được trời phú cho một kì quan tuyệt thế, đó là động Phong Nha. Động Phong Nha thực ra là một dòng sông ngầm trong lòng núi đá vôi dài hàng chục km. Phong Nha đẹp không chỉ bởi phong cảnh non nước hữu tình, không chỉ bởi những cái "giăng gió" kì lạ mà thực ra với thời gian năm tháng những nhũ đá được trau chuốt bào mòn hiện lên những cung điện nguy nga nơi trần thế.

Nhìn cửa động Phong Nha du khách ngỡ như lạc vào cửa một cung đình thời tiền sử: những vách đá nhấp nhô, những vòm cửa như những thành ốp đá. Ngắm nhìn nhũ đá động Tiên

Sơn chẳng khác nào nhìn những bộ váy áo diêm dúa của tiên nữ giáng trần, những sợi nhũ đá khác nào đăng ten làm rạng rỡ sang trọng dáng điệu cô dâu trong ngày vu quy. Hang Tiên quả là cảnh đẹp phi trần thế bởi các nhũ đá kết thành những vẻ đẹp huyền thoại, bí hiểm mà vô cùng gợi cảm. Hang Kì Vĩ gợi cho du khách những cảm xúc hoành tráng. Hang Cung Đình có cả ngai, bệ thờ, có tả hữu rồng chầu hổ phục, có đấng tối cao và bề tôi tụ hội.

Ở Phong Nha không chỉ có "thế quyền" mà tạo hóa còn tạo dựng cho nơi đây có cả sự trị vì của "thần quyền": Đó là hang Phật Bà, Đức Phật từ bi hình như đang cúi xuống cứu vớt chúng sinh và xung quanh vần vũ mây trời.

Hang Bi Kí cũng là một sáng tạo độc đáo của tạo hóa khiến cho du khách không khỏi sững sờ thán phục. Ở Bi Kí du khách ngỡ được tận mắt chiêm ngưỡng những hoành phi câu đối được tạc bằng nhũ đá, một sân khấu diêm dúa cầu kì với bao lớp lang cánh gà, phông màn, bậc lên, bậc xuống ... Huyền thoại Phong Nha không còn là hang động thiên nhiên mà thật sự giống như chốn Bồng Lai tụ hội những vị tiên giáng trần.

Phong Nha xứng đáng được tôn vinh như là một trong những kì quan thiên tạo bậc nhất của đất nước. Phong Nha không chỉ đẹp ở non nước hữu tình mà còn là một thế giới trần gian và phi trần thế được tích tụ, hội tụ trong ngôn ngữ, đã được tạc bởi bàn tay tạo hóa đầy tài năng và quyền năng ...

(Phạm Viết Đào)

ĐỀ 20

Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em.

BÀI THAM KHẢO

HỒ BA BỂ

Ai chưa một lần đến hồ Ba Bể thì thực đáng tiếc. Toàn bộ vùng hồ nằm giữa bốn bề vách đá. Chiều dài của hồ bằng một buổi chèo thuyền độc mộc. Hai bên hồ gồm nhiều ngọn núi cao, khuất khúc chia hồ thành ba phần liền nhau, gọi là: Bể Lầm, Bể Lèng, Bể Lù. Hồ Ba Bể ở trên độ cao 1.200 mét so với mực nước biển. Nơi đây còn có 2 hồ nữa là Bể Trâu và Bể Nạn. Vậy cớ sao không gọi là Ngũ Hồ? Hay là người xưa sợ nhầm với Ngũ Hồ của Trung Quốc chăng?

Cảnh vật nơi này cực kì diễm lệ. Vì mến cảnh, cổ nhân đã khắc lên bia đá: *"Lạ thay, núi mà nổi danh nhờ bể. Bể mà kiếm được củi. Núi mà đánh được cá. Tạo vật thật khéo đặt bày để dành cho khách du quan"*.

Ở hồ Ba Bể, mỗi hòn đá, gốc cây, mỗi loài thú, loài chim cho đến từng loài thủy mộc đều gắn với một sự tích, một huyền thoại lí kì. Sắc nước, hương trời ở đây cũng mang màu huyền thoại. Các cô gái ngồi bên khung cửi dệt thổ cẩm soi bóng xuống hồ. Xung quanh hồ còn biết bao cảnh lạ khác như động Puông, núi Cửa Trời, thác Đầu Đẳng và con sông Năng mềm mại như mái tóc nàng tiên. Hồ Ba Bể không những chỉ đẹp mà còn rất giàu nữa, có cả mỏ vàng, mỏ đá quý và nhiều loại sản vật khác. Người Việt Bắc nói rằng: *"Ai chưa biết hát bao giờ đến Ba Bể sẽ*

biết hát. Ai chưa biết làm thơ đến Ba Bể sẽ làm được thơ". Nếu ai chưa tin điều đó xin hãy lên Ba Bể một lần.

Dương Thuấn

(Trích báo Nhi đồng – 1996)

ĐỀ 21

Chiếc nón lá là một sản phẩm thủ công mĩ nghệ của Việt Nam. Em hãy viết bài giới thiệu chiếc nón ấy cho bạn bè thế giới biết.

BÀI THAM KHẢO

NÓN CHUÔNG

Ở Hà Tây có làng Chuông thuộc huyện Thanh Oai nổi tiếng về nghề nón:

Muốn ăn cơm trắng, cá mè
Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông.

Nghề làm nón ở Chuông có từ lâu lắm không ai còn nhớ vào thời nào. Lúc đầu làm để dùng trong làng, sau này càng nổi tiếng, được tiến dâng vào tận cung vua cho hoàng hậu, công chúa dùng. Nón trở thành đồ trang sức của các cô gái. Nón đi dự hội chợ, nón vượt biển ra nước ngoài đến với bạn bè quốc tế. Nón Chuông được mọi người biết đến như một biểu tượng của Việt Nam.

Vật liệu làm nón gồm tre, nứa, lá, móc. Lá chở từ Quảng Bình, Thanh Hóa ra; tre, nứa, móc từ miền trung du về. Nhưng điều quyết định làm nên chiếc nón xinh đẹp lại là đôi tay thon thả, mềm mại của những cô gái làng Chuông.

Lá, móc có rồi, giờ mới đến lúc bàn tay khéo léo đến mức như có khuôn, có thước bắt đầu biến nó thành cái nón. Nhìn một chiếc nón Chuông, mặt phẳng tựa như đúc bằng nhựa dẻo và trắng nõn nà, khó ai có thể cho là nón được làm bằng những tàu lá xanh răn reo, co cụm. Đầu tiên những tàu lá đó được đem là: một chiếc lưỡi cày chìa vôi cũ hoặc một miếng sắt phẳng đốt nóng, đặt lá lên, lấy nắm giẻ vuốt cho phẳng. Lửa phải vừa tay, nóng quá lá bị giòn, vàng cháy, nguội quá lá chỉ phẳng lúc đầu, sau "đâu lại hoàn đấy". Là xong, lá được qua một phản ứng hóa học. Người thợ cứ làm, cứ truyền nghề một cách "cha truyền con nối" nhưng thật rất khoa học: mấy miếng diêm sinh được đốt lên để hơ lá. Lá lột xác, trắng thêm ra, đồng thời lại tránh được mốc khi đang làm cũng như khi thành chiếc nón để sử dụng.

Vật liệu thứ hai là vòng. Bạn hãy lật ngửa chiếc nón lên và thấy 16 lớp vòng tinh xảo ấy, 16 đây là số lớp vòng vừa phải, tạo nên một dáng đẹp của nón Chuông, một số nón khác như nón Thanh Hóa, số vòng lại lên đến con số 20! Vòng cót đều chằn chặn, tròn không một vết gợn và ngay chỗ nối cũng cứ thành một đường. Việc làm vòng vừa đòi hỏi sức lực, vừa phải khéo tay.

Vật liệu đã được chuẩn bị, đến khâu chính là "thắt" và khâu nón. Từng chiếc vòng được đặt lên khuôn có sẵn. "Đẹp nón nhờ thắt, đẹp mặt nhờ khuôn". "Mặt" đây là mặt nón. Khuôn tốt làm cho mái phẳng, lá lót không gồ ghề, vòng thêm tròn, khoảng cách đều nhau, chiếc nón như thế mới xinh. Xếp lá phải biết chọn lá: lá to trắng, phẳng để ngoài, lá mảnh nhỏ ken xen vào giữa không bỏ phí một li. Ở những nơi sẵn lá như Thanh Hóa, Quảng Bình, nón lót 3 lần lá. Nón tuy nhẹ nhàng thanh thoát nhưng có phần tốn nguyên liệu. Nón Chuông – loại nón

đội khi đi làm – ở giữa lót một lượt nang, vừa cứng lại vừa bền và đỡ tốn nguyên liệu, rẻ tiền. Lá xếp trên khuôn xong, mấy sợi mây nhỏ chằng ngang, chéo, giữ lá phẳng phiu, sau đó là "thắt". Con mắt người khâu nón giờ như con mắt thợ thêu. Bàn tay lanh lẹ xâu một sợi móc ngắn (hoặc một sợi tơ dứa dài hơn) rồi đưa những mũi kim khâu từ những mắt rất nhỏ rồi to dần tới cạp nón. Mũi khâu ước lượng mà đều đặn như đo; cách giấu đầu nối sợi móc lại quá khéo léo, mới nhìn tưởng sợi móc dài vô hạn! Từng mũi, từng mũi kim một, lớp nón duyên dáng dần thành hình. Một câu đối cổ đã khái quát, ca ngợi quá trình này:

Ngọn lá xuân phong khuôn khéo "lựa"

Sợi vàng tạo hóa nắn nên "chuông".

Lựa là làng Lựa mà còn có nghĩa là khéo lựa. Làng Lựa trước làm khuôn nón cung cấp cho Chuông. Chuông có nghĩa là làng Chuông lại có nghĩa nón đẹp, làm công phu như đúc chuông.

Việc khâu, thắt nón quả kì công, có nghệ thuật. Tuy nhiên tùy loại nón mà việc thắt phải "lựa" phải "nắn" khác nhau. Nón được phân loại tùy công dụng, tùy vật liệu. Có loại ở Chuông đã làm ra, có loại cùng "họ hàng" với nón Chuông, ở Chuông cũng làm theo kiểu mẫu, cách thức ở nơi khác. Trước tiên phải kể đến loại nón đội khi đi làm. Nón này cũng như nón "đội chơi" nhưng thường nông hơn, dầy hơn, khâu bằng sợi móc đen. Nón dầu dãi nắng mưa cùng người trên đồng ruộng, khi đi lại trên đường. Giữa buổi làm, lúc nghỉ, nón thay quạt phe phẩy làn gió mát. Khi qua chợ mua rau dưa không có rổ, nón làm thêm nhiệm vụ này. Cùng loại còn có nón thuyền chài ngoài bọc một lần cót mỏng, cứng, nón "mũ chảo" – đúng như cái chảo – đồng bào xứ Đoài đi làm ruộng hay đội.

Nón Chuông ngoài công dụng che mưa, che nắng còn là vật biểu hiện tình cảm:

Nón này che nắng che mưa,
Nón này để đội cho vừa đôi ta.
Nón này khâu những mọc gà,
Em đi thử nón đã ba năm chầy.
Muốn em chung mẹ chung thầy,
Thì anh đưa cái nón này em xin.

(Ca dao)

Nghề làm nón Chuông đã được nâng từ một nghề thủ công thành một mĩ nghệ.

Nếu chiếc mũ rộng vành là biểu tượng để nhận ra người Mỹ La-tinh thì chiếc nón là hình ảnh để nhận ra người Việt Nam, nhất là người phụ nữ Việt Nam.

(Theo *Nghệ đẹp quê hương*)

ĐỀ 22

Giới thiệu chiếc nón lá - biểu tượng của Việt Nam.

BÀI THAM KHẢO

CHIẾC NÓN LÁ VIỆT NAM

"Làng quan họ quê tôi, những chiều bao thương nhớ, tiếng ca đầu ngọn gió nón quai thao nói gì người ơi".

Nón quai thao, nón lá Việt Nam, chiếc nón quen thuộc thay thế cho những chiếc mũ, chiếc ô che nắng che mưa duyên

dáng và tiện lợi trở thành vật duyên đáng yêu luôn gắn bó với con người Việt Nam.

Nón được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là lá cọ. Chiếu khoang hình chóp được dựng lên bởi bàn tay khéo léo chuốt từng thanh tre nhỏ, tròn rồi uốn thành vòng của người phụ nữ thủ công miệt mài chăm chỉ. Những chiếc lá cọ phơi khô trắng bóc, là phẳng phiu được xếp thành từng chồng khít bên nhau bao bọc trong lớp cước dai mềm mà cô nàng cần mẫn khâu lên nó từng mũi kim thanh mỏng đều tăm tắp. Người khâu nón như muốn gửi gắm trong đó bao ước mơ, ý nguyện tình cảm của mình với một người bạn mình mến tặng nón, có khi là những bông hoa yêu thích...

Du khách nước ngoài đến thăm nước ta đều trầm trồ khen ngợi những cô gái Việt Nam duyên dáng trong bộ áo dài cùng chiếc nón lá trên đầu che giấu nụ cười đằm thắm với bước đi uyển chuyển thướt tha. Nón đã trở thành biểu trưng của dân tộc. Chẳng thế mà hình ảnh cô thôn nữ nở nụ cười tươi sau vành nón trắng ôm bó lúa trên tay trở thành bức tranh cổ động ngày mùa thắng lợi được vẽ khắp các xóm thôn, và cô gái có nụ cười tươi dưới vành nón lá là biểu tượng của ngành du lịch Việt Nam để quảng bá với bạn bè thế giới.

Nón có nhiều loại tùy theo mức độ rộng hẹp. Xưa trong triều đình, lính tráng quân cơ đội *"Nón dấu"*, chiếc nón nhỏ vành chỉ vừa che hết đầu:

"Ngang lưng thì thắt bao vàng

Đầu đội nón dấu vai mang súng dài ... ...".

Hình ảnh đó đã được vẽ trên quân tam cúc một cỗ bài chơi của trẻ thơ như một sự lưu giữ nét cổ xưa của dân tộc.

Ai đến với vùng quê Kinh Bắc, nghe những cô gái nơi đây hát những làn điệu dân ca quan họ hẳn không thể quên hình ảnh của chiếc nón quai thao – một loại nón cổ làm bằng lá cọ già to gấp hai nón thường và cấu tạo cũng khác. Nón cấu tạo hình tròn phẳng, bên trong có vòng tròn nhỏ để đội lên đầu. Cái liếc dài sắc nhọn tình tứ cùng nụ cười duyên ẩn giấu sau vành nón quai thao làm nao lòng bao du khách trong và ngoài nước. Nón quai thao trở thành điểm nhớ cho quê hương quan họ thanh lịch tự bao đời.

Không chỉ làm vật dụng che nắng che mưa, chiếc nón lá Việt Nam tự nhiên như thế đã đi vào huyền thoại như một nét đẹp văn hóa, mang tâm hồn quê hương dân tộc, gợi cảm hứng cho thi ca:

"Nón bài thơ, em đội nón bài thơ xứ Nghệ ... ...". Chiếc nón lá, chiếc nón bài thơ mảnh mai thanh thoát nhẹ nhàng như giọng nói ngọt ngào của cô gái Huế thân thương đã trở thành dụng cụ biểu diễn nghệ thuật độc đáo, mang phong cách dân tộc đậm đà.

Xưa, nón được sản xuất ở nhiều nơi như Hà Tây, Bắc Ninh, Quảng Bình, Nam Định... Nay, cuộc sống hiện đại, những Công ti sản xuất ra bao mẫu mã mũ, ô... với nhiều kiểu dáng trang hoàng lộng lẫy đáp ứng thị hiếu của con người nhưng chiếc nón lá vẫn xuất hiện khắp các đường phố và ở trên cánh đồng quê hương Việt Nam như khẳng định sự trường tồn của nó cùng thời gian cả về giá trị sử dụng và nét văn hóa thuần phong của dân tộc.

(Theo *Những bài làm văn hay THCS, 9*)

ĐỀ 23

Giới thiệu một đặc sản đậm đà hương vị đất nước.

BÀI THAM KHẢO

CỐM

Những cây sấu đứng đường của Hà Nội mà bắt đầu lộp độp rụng xuống những trái sấu chín cây thì trên vỉa hè Hà Nội cũng bắt đầu hiện ra cái hình ảnh người gánh cốm đi bán rong. Trái với thói thường của hàng rong, gánh cốm cứ êm ả mà đi, người bán cốm không cất tiếng rao hàng. Hình thù người gánh cốm cũng phần nào gợi lên cái phẩm chất của thứ quà giản dị thơm thảo hiền hậu, vừa chắc chắn vừa tinh tế. Đứng trên ban công nhìn xuống, đứng trong ngõ hoặc đứng trong quầy hàng nhìn ra, mà nhận được gánh cốm thì khắc gọi lấy mà mua. Cái gánh cốm Vòng cổ truyền đã quen quá đi rồi với con mắt của nhiều người đã chết đi sống lại nhiều lần với Hà Nội. Ai mà lầm được cái gánh cốm Vòng có cái đòn gánh dị thường một đầu thẳng một đầu cong vút lên như cái ngọn chiếc hia tuồng Bình Định. Cái đòn gánh cổ truyền ấy là cả một thân tre đánh cả gốc, đầu cong chính là cái phần gốc cây mà có khi phải chọn hàng chục bụi tre mới tìm đúng được một chiếc đòn gánh cốm vừa ý. Cho nên đã có những cái đòn gánh cong truyền đi vai người này đến vai người khác có hàng mấy đời liền. Trong thúng là cốm, trên mặt thúng là một bó cọng rơm tươi còn xanh màu mạ, và những tập lá sen Hồ Tây.

Đã bao năm nay như thế. Mỗi lần Hồ Gươm lăn tăn ánh vàng nắng thu, mỗi lần những chòm mây mùa thu dãy Ba Vì và

dãy Tam Đảo soi vào lòng sông Hồ Tây thì (ba mươi sáu) phố phường Hà Nội lại thấy xuất hiện cái bóng dáng êm ả của người gánh cốm Vòng tiến vào theo đường cửa ô Cầu Giấy. Lúc này cũng là lúc khắp nơi nơi, nắng mùa thu đang vấy những đốm trứng cuốc vào mọi trái chuối tiêu đang vuốt cong lên cái màu vàng ngọt, và nắng mùa thu cũng đang làm bóng lên cái màu đỏ hồ phách bay phấn của những quả hồng trứng cũng đang vểnh hết cả tai hồng lên. Không hiểu đấy là sự dàn xếp của mùa thu Việt Nam hay là sự hẹn hò của thời trân phẩm quả mà chuối tiêu trứng cuốc lại hay gặp mùa cốm và cốm lại gặp hồng trứng ... Ai khó tính và cầu kì màu sắc cứ nói gì thì nói nhưng theo tôi cái màu xanh của cốm Vòng là thứ màu xanh đẹp hơn cả cái màu xanh của ngọc thạch. Cốm xanh đậm ấy mà lại là lá sen phấn làm đĩa đựng càng thấy mình cùng tạo vật sao mà nó chan hòa cảm thông đến được như thế. Cốm rờn lên một niềm vui bất tận xanh, mà trên mặt đó lại cho chẳng lên một múi lạt chữ thập nhuộm đỏ cánh sen để gửi đến ngõ nhà người yêu, để đặt trên bàn tiệc cưới, đám hỏi thì quả là màu xanh thật là màu của nguyện vọng hạnh phúc.

NGUYỄN TUÂN

(Trích *Cảnh sắc và hương vị đất nước*)

ĐỀ 24, 25

Giới thiệu một lễ hội dân gian mà em yêu thích.

BÀI LÀM 1

LỄ HỘI NẤU CƠM THI Ở HƯƠNG CANH - VĨNH PHÚC

Hương Canh vừa là tên một làng, vừa là tên cả một thị trấn thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đã từ rất lâu đời, hàng năm cứ vào dịp đầu xuân, nơi đây thường tổ chức lễ hội nấu cơm thi.

Các làng đều có thể tham dự cuộc thi này. Mỗi làng phải nấu 16 nồi cơm bằng gạo Gié cánh, loại gạo đặc sản của Hương Canh. Cơm thổi không được dùng nồi đất mà phải dùng nồi bảy bằng đồng điếu. Đấy là quy định của hội thi. Buổi chiều, đúng giờ Mùi, các hộ bưng nồi cơm thi từ nhà mình đã nấu đến nhà trưởng giáp. Các nồi cơm đều được niêm phong bằng giấy bản, dán nước cơm, bịt kín cả vung. Phía trên ghi rõ tên giáp và tên chủ hộ.

Mỗi làng cử ra một người đại diện vào ban giám khảo. Có cụ đứng đầu điều khiển việc chấm thi được gọi là cụ Trùm Nước. Cơm mang so tài phải thật trắng, thật thơm và dẻo. Cơm đơm ra bát lúc đang nóng hôi hổi, người ta lấy đũa cả đè lên, các hạt cơm dính chặt lại với nhau. Khi úp dốc xuống, cơm tuột ra khỏi bát thật róc, hạt cơm dính liền và mịn mặt như đóng khuôn. Loại cơm này gọi là "cơm in", cắt ra từng miếng như cơm nắm, vừa mịn, vừa dẻo, vừa thơm như xôi.

Muốn đoạt được giải của hội thi, cần phải chuẩn bị kĩ lưỡng. Nước nấu cơm phải hứng nước mưa giữa trời, lưu giữ trong chum vại đậy kín, không có mùi ngói vôi, mùi máng sắt, mùi ẩm mốc của thân cau. Cả nước vo gạo lần nước nấu cơm phải lọc rất kĩ bằng giấy bản lót trong rá để nước giò tí tách xuống vại từ mấy hôm trước. Cơm nấu phải bằng củi xoan khô, đượm lửa, không khói, ít bụi. Nồi nấu cơm bằng đồng điếu cần đánh sạch, sao cho đỏ au lên. Sau đó dùng nước cơm lau nồi trước khi nấu để cơm róc chảy và không bị bén nồi. Tuy là nồi đồng nhưng vung đậy lại là vung đất. Người ta mài nhẹ vành vung để lấy độ trơn, độ tròn sao cho đậy lọt khít miệng nồi, không phải đệm lá chuối tươi. Vung khít nên không gây ôi khói và lại vàng cơm. Những nồi cơm đạt yêu cầu cần phải là nồi cơm không vơi, không đầy, trên dưới, tứ bề đều ngon, thơm. Nồi nấu khéo là nồi không có cháy, lượt cơm đáy không khô cứng, chung quanh không ướt. Nồi nào đạt được những yêu cầu trên một cách vượt trội nhất sẽ đoạt giải.

Lễ hội nấu cơm thi là một dịp để nhà nông đua tài nấu cơm cho thợ cày, thợ cấy, cho binh sĩ trong trận mạc đã có từ xa xưa ở vùng bán sơn địa xen kẽ đồng bằng Vĩnh Phúc. Ngày nay, đây là lễ hội thể hiện một nếp sống tinh thần, một bản sắc văn hóa của người dân Hương Canh nói riêng và của dân tộc ta nói chung.

BÀI LÀM 2

LỄ HỘI CHÙA DÂU

Lễ hội là tín ngưỡng văn hóa của mỗi dân tộc. Hầu như làng, xã nào cũng có lễ hội được tổ chức vào đầu xuân. Mọi người dân Thuận Thành, Bắc Ninh thường có câu ca:

Dù ai buôn đâu, bán đâu
Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Nhớ ngày mồng tám thì về hội Dâu.

Câu ca dao như một lời nhắc nhở các tín đồ Phật giáo hãy nhớ về hội Dâu được tổ chức vào đầu xuân hàng năm.

Hội Dâu được tổ chức vào mồng 8 tháng 4 âm lịch hàng năm. Chùa Dâu là một ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào những năm đầu thế kỉ XV. Mặc dù vậy chùa Dâu vẫn giữ được những nét nguyên bản từ khi được xây dựng tới nay. Hàng năm, chùa Dâu thu hút rất nhiều tín đồ đến thắp hương, đặc biệt là vào dịp lễ hội. Vào mỗi dịp lễ hội, người dân háo hức tổ chức sửa sang chùa chiền. Ngay từ chiều mồng 7 đã có lễ rước các bà Dâu, bà Đậu, bà Dàn, bà Keo mà theo truyền thuyết bốn bà được tạc từ một cây dâu, chị cả là bà Dâu nên chùa Dâu được xây dựng lớn nhất. Đặc biệt vào ngày mồng 7, các vãi đến để cúng, quét dọn và làm lễ rửa chùa. Ngày hội chính diễn ra rất sôi động, náo nhiệt. Mọi người đến đây với lòng thành kính, kính mong đức Phật ban cho sự an lành, ấm no. Chùa có rất nhiều gian, điện, đặc biệt có pho tượng Kim Đồng – Ngọc Nữ đạt đến chuẩn mực nghệ thuật cao với các tỉ lệ của người thật. Hành lang hai bên có những pho tượng với nhiều tư thế, nét

mặt khác nhau. Người ta đến lễ hội không chỉ để thắp hương, cầu an mà còn để vui chơi, đón không khí ngày xuân. Có rất nhiều trò chơi được tổ chức trong lễ hội như: đu quay, hát quan họ đối đáp, giao duyên giữa các liền anh, liền chị dưới thuyền rồng với những trang phục mỏ ba, mỏ bảy cổ truyền. Khắp sân chùa là những hàng bán đồ cúng, những nén hương trầm, hay những đồ chơi dân gian cho trẻ em như sáo, trống... hoặc chỉ là những bông lan thơm ngát. Tất cả tạo ra một không khí cộng đồng ấm cúng. Mọi người quên đi sự bận rộn, quên đi sự bon chen, thách thức để nhớ tới đức Phật cùng sự thánh thiện, nhớ tới cõi bình an của tâm hồn. Khoảng 7 giờ sáng ngày 8/4, người ta đã nghe thấy tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng cúng tế dâng sớ cầu mong bình an, lạy tạ các vị thánh thần, phật pháp của đội tế lễ từ sắc chùa lập ra. Đặc biệt, ở lễ hội Dâu thờ "*Tứ Pháp*" là Pháp Vân (bà Dâu), Pháp Vũ, Pháp Điện, Pháp Lôi. Sau khi các cụ làm lễ xong, đoàn rước từ chùa Tổ bắt đầu quay về, hàng đoàn người kéo nhau đi theo hộ tống. Người đi đầu cầm bình nước, người thứ hai dâng hương, tiếp đó là đoàn kiệu được những trai tráng của làng khiêng. Họ mặc những trang phục như quân tốt đỏ thời xưa, theo sau là các bà mặc áo nâu đội sớ. Người cầm nước vừa đi vừa cầm cành trúc vẩy nước vào những người xung quanh như ban sự may mắn cho mọi người. Người ta quan niệm rằng ai được vẩy nước vào sẽ may mắn, được Phật ban phước quanh năm và được Phật phù hộ, bảo vệ. Khi hội tan, mọi người vào thắp hương ở ngoài sân thờ như lời hẹn gặp năm sau. Nhưng lạ lùng hơn, hầu như năm nào sau hội trời cũng mưa và người dân cho đấy là lễ tẩy chùa. Ở một khía cạnh nào đó thì đây được coi như một điều linh nghiệm huyền bí.

Lễ hội thể hiện trình độ tổ chức cao, sự kết hợp giữa làng xã và ý thức cộng đồng, cuốn hút khách thập phương với những

nét nghệ thuật, văn hóa đặc sắc, phong phú. Đối với Bắc Ninh, cái nôi của Phật giáo thì đây là dịp thể hiện sự tài hoa, tinh tế, lịch lãm trong văn hóa ứng xử, giao tiếp. Là một người con của Bắc Ninh, em cảm thấy tự hào về truyền thống của quê hương mình và em sẽ luôn có ý thức bảo vệ và gìn giữ những nét văn hóa ấy, đặc biệt là những lễ hội truyền thống mang đậm nét văn hóa dân tộc vào những ngày đầu xuân.

ĐỀ 26

Thuyết minh tác phẩm* Chuyện người con gái Nam Xương *trong* Truyền kì mạn lục *của Nguyễn Dữ.

BÀI LÀM

Chuyện người con gái Nam Xương là một truyện hay trong *Truyền kì mạn lục*, một tác phẩm văn xuôi bằng chữ Hán ở Việt Nam thế kỉ XVI. Truyện được Nguyễn Dữ viết trên cơ sở một truyện dân gian Việt Nam, cốt truyện và nhân vật gắn liền với một không gian cụ thể, một chứng tích cụ thể để phản ánh một vấn đề bức thiết của xã hội đương thời, đó là thân phận con người nói chung, người phụ nữ nói riêng trong xã hội phong kiến.

Truyện kể về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương, người con gái ở huyện Nam Xương, nết na, thùy mị. Chồng nàng là Trương Sinh, con nhà giàu có nhưng ít học, tính vốn đa nghi, đối với vợ thường phòng ngừa quá mức. Khi chồng đi lính, nàng sinh con trai và hết lòng dạy con, chăm sóc mẹ chồng. Khi giặc tan, Trương Sinh về nhà thì mẹ đã qua đời, con trai đang học nói. Đứa con nhất định không chịu nhận chàng là bố vì bố nó

"đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi". Nghe con nói, Trương Sinh ngờ vợ thất tiết, đánh đuổi nàng đi. Uất ức quá, nàng gieo mình xuống sông mà chết. Được các nàng tiên cứu, nàng sống ở thủy cung cùng vợ vua Nam Hải. Một lần, gặp người làng là Phan Lang cũng được tiên cứu, nàng nhờ Phan Lang về nói với chồng lập đàn giải oan cho nàng. Trong lễ giải oan, nàng hiện về và ngỏ lời từ biệt chàng vĩnh viễn.

Câu chuyện chỉ là một vụ ghen tuông bình thường trong một gia đình cũng bình thường như trăm nghìn gia đình khác, nhưng có ý nghĩa tố cáo xã hội vô cùng sâu sắc. Một người phụ nữ nết na lấy phải một anh chồng hay ghen, lại độc đoán. Và chỉ vì một chuyện bông đùa với con khi xa chồng, vì chồng nàng quá tin lời con trẻ, nghi oan cho nàng, tàn nhẫn đối với nàng khiến nàng phải tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang. Nỗi oan tày đình của nàng đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khốc trong xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ. Sống trong xã hội phong kiến đầy rẫy oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với số phận bèo dạt, mây trôi có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống đầu vào bất cứ lúc nào vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng được. Rõ ràng, xã hội phong kiến suy tàn đã sinh ra những Trương Sinh với đầu óc nam quyền độc đoán, đó là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ của người phụ nữ. Vì vậy, khi sống ở thủy cung, nàng đã có lúc định trở về quê cũ. Nhưng tại lễ giải oan, mặc dù còn nặng lòng với quê hương, lỗi lầm xưa của chồng, nàng cũng đã tha thứ, nhưng nàng vẫn dứt áo ra đi, đành phải sống ở cõi chết: "Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa". Chi tiết mang tính chất truyền kì này đã nói lên thái độ phủ định của Vũ Nương, của người phụ nữ đương thời đối với "nhân

gian", đối với xã hội phong kiến thối nát vì ở đó họ không tìm thấy niềm vui, không tìm thấy hạnh phúc.

Bên cạnh giá trị tố cáo xã hội phong kiến suy tàn, *Chuyện người con gái Nam Xương* còn đề cao phẩm chất, giá trị của người phụ nữ. Khi còn sống, Vũ Nương là người vợ đảm, dâu hiếu. Lúc sống bên chồng, nàng "giữ gìn khuôn phép", không lúc nào để vợ chồng bất hòa. Lúc chồng đi lính, một mình nàng quán xuyến mọi việc, nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng đau ốm và khi mẹ chồng mất, nàng "lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình". Đối với chồng, nàng một dạ thủy chung. Sau khi đã chết, được sống ở thủy cung nguy nga, lộng lẫy, khi Phan Lang gợi đến quê hương, nàng xúc động "ứa nước mắt khóc". Nàng giãi bày tâm sự: "Có lẽ không thể gửi hình ấn bóng ở đây được mãi để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày". Đọc đến đây, không ai không xúc động được trước tấm lòng nặng nghĩa, nặng tình với quê hương bản quán của nàng. Tuy được cứu sống, được sống trong nhung lụa, bên cạnh có những nàng tiên tốt bụng và là ân nhân của mình nhưng lòng nàng lúc nào cũng nhớ đến quê cha đất cũ và tâm niệm sẽ có ngày tìm về. Vũ Nương dưới ngòi bút của Nguyễn Dữ lúc sống ở trần thế với cuộc sống đời thường cũng như khi làm tiên ở thủy cung lộng lẫy đều là một phụ nữ đẹp, đẹp cả về hình dáng, cả về phẩm giá, về tâm hồn. Người phụ nữ đó lẽ ra phải được sống cuộc đời hạnh phúc. Nhưng tiếc thay xã hội phong kiến đã chà đạp lên cuộc đời nàng.

Như đã nói, viết *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã lấy cốt truyện trong dân gian. Nhưng rõ ràng với tấm lòng yêu thương con người sâu nặng, bằng bút pháp kể chuyện già dặn, với tình tiết lúc thì chân thật đời thường, lúc

thì kì ảo hoang đường, ông đã xây dựng được một hình tượng nhân vật vô cùng sống động, mang ý nghĩa xã hội cao. Tác phẩm của ông đã giáo dục chúng ta lòng yêu thương con người sâu sắc, lòng quyết tâm bảo vệ quyền sống và hạnh phúc của con người.

Bài kiểm tra tại lớp của ***Nguyễn Thị Lưu***
- HS lớp 9, trường THCS Nam Hưng, Nam Định -
Năm học 1990-1991

ĐỀ 27

***Giới thiệu truyền thuyết* An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy.**

BÀI LÀM

Thời Âu Lạc ở nước ta, vua An Dương Vương được thần Rùa Vàng giúp xây thành, cho vuốt làm lẫy nỏ để giữ nước. Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc không được, bèn cầu hòa rồi cầu hôn, cho con trai là Trọng Thủy sang ở rể bên đất Âu Lạc. Trọng Thủy dỗ Mị Châu cho xem trộm nỏ thần, tìm cách đánh tráo lẫy nỏ rồi về nước. Triệu Đà lại cất quân sang đánh. Mất lẫy nỏ thần, An Dương Vương thua chạy về phương Nam, đem theo Mị Châu. Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng Mị Châu rắc trên đường mà đuổi. Lúc cùng đường, Rùa Vàng hiện lên kết tội Mị Châu. An Dương Vương tuốt kiếm chém Mị Châu rồi theo Rùa Vàng rẽ nước đi xuống biển. Trọng Thủy ôm xác vợ về táng ở Loa Thành. Xác nàng hóa thành ngọc thạch, máu nàng chảy xuống biển, trai sò ăn phải đều biến thành hạt châu. Trọng Thủy thương tiếc vợ khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng

dáng Mị Châu, bèn lao đầu xuống giếng mà chết. Người đời sau mò được ngọc trai, lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng thêm.

Chủ đề của truyền thuyết là dựng nước và giữ nước. Truyện ca ngợi An Dương Vương là ông vua yêu nước có công xây thành chế nỏ để giữ nước, đồng thời cũng phê phán nhà vua đã chủ quan để mất nước. Người đọc cảm động trước hình ảnh An Dương Vương kiên trì xây thành và càng xúc động hơn khi chính nhà vua đã tuốt kiếm chém đứa con gái yêu duy nhất của mình trong cái phút thử thách quyết liệt nhất. Ta hiểu vì sao Rùa Vàng đã đến giúp vua xây thành, cho vuốt làm lẫy nỏ và đã rẽ nước đưa vua xuống Thủy cung. Bài học cảnh giác chính trị còn được nói lên sâu sắc và thấm thía qua nhân vật Mị Châu khi "trái tim lắm chỗ để trên đầu" khiến cho "cơ đồ đắm biển sâu". Nàng đã mất tất cả: tình yêu, gia đình, đất nước; không những thế còn bị chết dưới lưỡi kiếm của chính cha nàng. Bài học lịch sử rớm máu đó mãi mãi còn nhắc nhở người đời sau về tinh thần cảnh giác với kẻ thù và cách xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa riêng với chung, giữa nhà với nước, giữa cá nhân với cộng đồng.

Truyện được xây dựng chặt chẽ không kém gì các truyện hiện đại sau này: tính cách nhân vật bộc lộ khá rõ, cốt truyện phát triển lôgíc, có kịch tính, các chi tiết liên kết với nhau tạo nên một mạch truyện hấp dẫn, thú vị. Cái khác với truyện hiện đại là các yếu tố hoang đường, kì ảo đã mang đến cho truyện màu sắc huyền thoại và chất thơ của truyền thuyết dân gian. Và chính mối quan hệ giữa phần cốt lõi lịch sử với phần tưởng tượng của dân gian trong những chi tiết hư cấu đặc sắc, hàm chứa ý nghĩa đã làm nên sức cuốn hút của truyền thuyết này.

ĐỀ 28

***Giới thiệu truyện cổ tích* Tấm Cám.**

BÀI LÀM

Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Bố mẹ Tấm chết sớm, Tấm phải ở với mụ dì ghẻ ác nghiệt. Hàng ngày Tấm phải làm lụng vất vả không khác gì đứa ở, còn Cám thì được mẹ nuông chiều, ăn trắng mặc trơn. Ở nhà dì ghẻ, Tấm bị mụ hành hạ đủ điều, bị con Cám ranh ma lừa lọc, Tấm chỉ còn biết khóc. Bụt đã hiện lên nhiều lần để an ủi và giúp đỡ Tấm. Vua mở hội. Mụ dì ghẻ bắt Tấm ở nhà nhặt thóc, không cho đi xem hội. Nhờ Bụt giúp, cuối cùng Tấm cũng được đi hội với quần áo đẹp và một đôi giày thêu xinh xắn. Đôi giày đó đã đổi đời Tấm, đưa Tấm về cung vua để trở thành hoàng hậu. Thấy Tấm sung sướng, mẹ con Cám càng ghen ghét và mụ dì ghẻ càng quyết tâm giết Tấm cho kì được. Tấm đã hoa kiếp liên tiếp từ chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, đến quả thị và cuối cùng lại trở về với kiếp người. Ở nhà bà lão hàng nước, Tấm gặp lại vua và về hoàng cung sống cuộc đời hạnh phúc của mình.

Chủ đề của *Tấm Cám* nằm trong chủ đề chung của nhiều truyện cổ tích ở nước ta: *chính nghĩa thắng gian tà*. Truyện phản ánh cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa thiện và ác, giữa người bị áp bức và kẻ áp bức. Cuộc đấu tranh đó phát triển từ thấp đến cao, đến mức quyết liệt, một mất một còn, không thể hòa hoãn. Và con người bị áp bức đã phải hóa kiếp nhiều lần để tồn tại, để khẳng định sức sống của mình. Sự hóa kiếp liên tiếp của Tấm thể hiện sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của cái ác. Đây là sức mạnh của thiện thắng ác,

của chính nghĩa thắng gian tà, nói lên ước mơ bao đời của nhân dân ta được gửi vào cổ tích. Ở đây, lực lượng siêu nhiên thần kì (ông Bụt) cũng đứng về phía con người bị áp bức để giúp đỡ Tấm, nhưng chính sự đấu tranh quyết liệt của họ khi đã ý thức đầy đủ về mình và kẻ thù mới là yếu tố quyết định để Tấm giành thắng lợi: đó là ý nghĩa nhân văn sâu sắc làm nên vẻ đẹp của truyện cổ tích này.

Kể lại cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai lực lượng đối lập, nhưng truyện lại giàu chất thơ cổ tích, đậm đà màu sắc dân gian, như đưa ta về với một làng quê nào đó với việc chăn trâu cắt cỏ, bắt tôm bắt tép, con bống, con gà, cái yếm đỏ, miếng trầu têm cánh phượng, và nhất là cảnh hội làng đông vui tấp nập, quả thị vàng thơm và quán hàng nước... Truyện sử dụng thành công nhiều môtíp nghệ thuật dân gian như môtíp ông Bụt hóa phép, vật xấu biến thành vật đẹp (xương cá hóa thành quần áo, giày, ngựa), vật giúp người (chim sẻ nhặt thóc), vật để nhận ra nhau (trầu têm cánh phượng) và đặc biệt là *môtíp rơi giày và tìm giày* phổ biến trong cổ tích thế giới. Truyện có nhiều câu văn vần xen kẽ tô đậm thêm nét dân gian: *'Bống bống bang bang...; Vàng ảnh vàng anh...; Kẽo cà kẽo kẹt...* Và bao trùm lên tất cả, truyện đã xây dựng nên một hình tượng cô Tấm thật đáng yêu, hiền lành, xinh đẹp, có sự chuyển biến qua hai giai đoạn: từ yếu đuối, thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình.

ĐỀ 29

Thuyết minh về thể loại thơ hai-cư của Nhật Bản.

BÀI LÀM

Thơ hai-cư là một thể loại thơ độc đáo của Nhật Bản với những đặc điểm nổi bật:

• So với các thể loại thơ khác trên thế giới, thơ hai-cư có số từ vào loại ngắn nhất chỉ gồm 17 âm tiết hay hơn một chút (tuyệt cú của thơ Đường là loại thơ cô đúc cũng có đến 20 chữ (ngũ ngôn) hoặc 28 chữ (thất ngôn), được ngắt ra làm ba đoạn theo thứ tự thường là 5 âm - 7 âm - 5 âm (tuyệt cú có 4 câu - 4 phần).

• Các bài thơ đều không có nhan đề. Mỗi bài thơ đều có một tứ thơ nhất định, thường chỉ ghi lại một phong cảnh với vài sự vật cụ thể, trong một thời điểm nhất định để từ đó khơi gợi lên một xúc cảm, một suy tư nào đó. Thời điểm trong thơ được xác định theo mùa qua quy tắc sử dụng "quý ngữ" (từ chỉ mùa).

• Thơ hai-cư thấm đẫm tinh thần Thiền tông và tinh thần văn hóa phương Đông nói chung. Cảm thức thẩm mĩ của hai-cư có những nét rất riêng, rất cao và rất tinh tế: đề cao cái Vắng lặng, Đơn sơ, U huyền, Mềm mại, Nhẹ nhàng, ...

• Bài thơ hai-cư giống như một bức tranh thủy mặc, thường chỉ dùng những nét chấm phá để gợi chứ không tả, dành rất nhiều khoảng trống cho trí tưởng tượng của người đọc.

Cùng với nghệ thuật vườn cảnh, hoa đạo, trà đạo, hội họa, ... thơ hai-cư là một đóng góp lớn của Nhật Bản vào kho tàng văn hóa nhân loại.

ĐỀ 30

Thuyết minh đặc điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đã học: **Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.**

BÀI LÀM

Truyện ngắn là một thể loại văn học thuộc hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. Truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh ghi lại *một biến cố* quan trọng trong cuộc đời đứa trẻ khi nó từ thế giới của gia đình bước vào thế giới của nhà trường. Trong *Chiếc lá cuối cùng* của O'Hen-ri, đó là việc Giôn-xi bị ốm nặng nằm chờ chết; việc cụ Bơ-men lặng lẽ vẽ "chiếc lá cuối cùng" trong một đêm mưa tuyết dữ dội để cứu sống cô gái, và cụ đã ra đi sau khi hoàn thành kiệt tác ấy. Còn trong *Lão Hạc*, Nam Cao đã ghi lại mảnh đời cuối cùng của người nông dân già nghèo khổ, đơn độc, nhưng trước khi tìm về cái chết đã lo lắng thật chu đáo mọi việc cho đứa con lúc trở về. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện như ta đã thấy trong ba tác phẩm nói trên.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những "lát cắt" của cuộc sống để thể hiện. *Tôi đi học* chỉ thu lại trong buổi tựu trường đầu tiên trên con đường từ nhà đến trường, trên sân trường, trong lớp học; *Lão Hạc* chỉ là khoảnh

khắc cuối đời của nhân vật từ nhà của lão sang nhà ông giáo; *Chiếc lá cuối cùng* được kể lại trong những ngày Giôn-xi ốm ở căn phòng nhỏ có chiếc cửa sổ trông ra cây thường xuân.

Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề, như sự tương phản giữa tình mẹ con và những tình cảm mới mẻ đối với nhà trường, thầy giáo, bạn bè trong tâm trạng đứa trẻ (*Tôi đi học*); giữa cuộc sống nghèo khổ và cái chết đau đớn với tình yêu thương, lo lắng cho đứa con của *Lão Hạc*; giữa sự trở về với cuộc sống của Giôn-xi và sự ra đi của cụ Bơ-men, giữa chiếc lá thường xuân đã rụng và *chiếc lá cuối cùng* vẫn còn mãi mãi trên tường.

Những đặc điểm trên đây đã khiến cho dung lượng truyện ngắn thường ngắn. Nhưng không phải vì thế mà truyện ngắn không đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời như *Lão Hạc* hay *Chiếc lá cuối cùng*. Và nếu đọc các tác phẩm của những bậc thầy trong thể loại này, ta càng thấy rõ điều đó.

PHẦN IV

VĂN NGHỊ LUẬN

HƯỚNG DẪN

Văn nghị luận đã được học ở ba lớp 7, 8, 9 THCS khá kĩ, kể cả phần kiến thức cơ bản và nâng cao; được luyện tập thực hành ở nhiều dạng đề khác nhau như nghị luận về đời sống xã hội, về tư tưởng đạo lí, về tác phẩm văn học bằng các phương pháp lập luận giải thích, chứng minh, phân tích tổng hợp,...

Lên lớp 10, văn nghị luận được nâng cao thêm với những yêu cầu mới được thể hiện bằng những đề bài có nội dung nghị luận rộng và sâu hơn đòi hỏi người làm bài phải suy nghĩ trên nhiều mặt, nhiều góc độ khác nhau để giải quyết vấn đề đồng thời chọn được những phương pháp lập luận thích hợp với từng đề bài cụ thể. Văn nghị luận sẽ còn được tiếp tục học ở lớp 11 và 12 để hoàn chỉnh kiểu bài này vào cuối cấp trung học phổ thông.

Dưới đây, giới thiệu với các em 3 đề (và bài làm) về văn nghị luận:

- 1 đề bàn luận về tư tưởng đạo lí;

- 1 đề tranh luận về một phong trào thi đua trong nhà trường;

- 1 đề trao đổi về nội dung một tác phẩm văn học.

Có thể xem đây là 3 đề cơ bản cho văn nghị luận ở lớp 10. Các em cần tham khảo học tập để vận dụng một cách sáng tạo vào bài làm của mình. (Để dễ theo dõi, trước bài làm văn, giới thiệu vắn tắt *cách xây dựng lập luận* và *lựa chọn phương pháp* của từng bài).

ĐỀ 31

Dân tộc ta có truyền thống tôn sư trọng đạo. Em hiểu gì về truyền thống đó và cho biết trong cuộc sống hiện nay truyền thống đó được kế thừa và phát huy như thế nào?

- **Xây dựng lập luận**

1. "Tôn sư trọng đạo" là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. *(luận điểm 1)*

- Giải thích nội dung "tôn sư trọng đạo".

- Nêu ý nghĩa của "tôn sư trọng đạo".

- "Tôn sư trọng đạo" là đạo lí, truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.

2. "Tôn sư trọng đạo" đã được kế thừa và phát huy trong cuộc sống hiện nay như thế nào? *(luận điểm 2)*

- Kế thừa ra sao? (dẫn chứng)

- Phát huy ra sao? (dẫn chứng)

3. Cần giữ gìn và phát huy đúng hướng truyền thống đó trong cuộc sống hiện nay. *(luận điểm 3)*

-Vì sao phải giữ gìn?

- Phát huy đúng hướng là thế nào? Nhằm mục đích gì?

- Muốn giữ gìn và phát huy tốt truyền thống đó, ta phải làm gì?

- **Lựa chọn phương pháp**

Phương pháp lập luận thích hợp nhất ở bài này là giải thích, chứng minh, kết hợp với bàn luận: ở luận điểm 1 dùng lập luận *giải thích*, ở luận điểm 2 dùng lập luận *chứng minh*, ở luận điểm 3 chủ yếu là *bàn luận*.

BÀI LÀM

Dân tộc ta có truyền thống tôn sư trọng đạo. Đó là một truyền thống tốt đẹp của một dân tộc văn hiến và hiếu học. Từ xa xưa đã có câu ca:

Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Hoặc thâm thúy hơn, ông cha ta cũng từng nhắc con cháu: *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* (Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy).

Tôn sư là đề cao, tôn vinh, coi trọng người thầy. Vì sao vậy? Người thầy dạy chữ, dạy kiến thức cho ta, đem đến cho ta những hiểu biết để ta sống tốt hơn, có ích hơn. Người thầy lại dạy ta đạo lí, nhân cách để ta biết làm người trong xã hội. Vai trò người thầy là hết sức quan trọng, không thể thiếu đối với bất cứ một quốc gia, dân tộc nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Thế thì sao lại không tôn vinh, đề cao người thầy? Đây là tôn vinh một con người đã góp phần đem lại lợi ích cho cả một dân tộc. Sự tôn vinh này xuất phát từ chức năng cao quý và trách nhiệm lớn lao của người thầy.

Trọng đạo là gì? Trong kết cấu hai vế cân đối *tôn sư / trọng đạo*, nếu *tôn sư* là tôn vinh người thầy thì *trọng đạo* là coi trọng nghề dạy học. *Đạo* ở đây là đạo làm thầy[1], là nghề dạy học. Nghề dạy học là nghề đáng được coi trọng vì sản phẩm nó đào tạo ra chính là con người, như ai đó đã nói: "Trong các nghề thì nghề dạy học là nghề cao quý nhất". Nhân dân ta "trọng

---

[1] Có ý kiến cho rằng "trọng đạo" ở đây là *đạo làm người*. Xin ghi lại để các em tham khảo, suy nghĩ thêm.

đạo" chính là trọng cái nghề "trồng người" cao quý ấy, cũng như họ đã tôn vinh người thầy là những "kĩ sư tâm hồn".

Tôn sư trọng đạo hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc. Trước hết, đó là sự suy nghĩ, nhìn nhận đúng đắn và tiến bộ của nhân dân ta về một nghề đáng được coi trọng và một con người đáng được tôn vinh. Nó chứng tỏ dân tộc ta là một dân tộc văn hiến và hiếu học, bởi coi trọng nghề dạy học là biểu hiện sâu sắc của một dân tộc văn hiến và tôn vinh người thầy là bằng chứng hùng hồn của một dân tộc hiếu học. Nhưng ý nghĩa sâu xa của *tôn sư trọng đạo* chính là nó gắn bó mật thiết với *sự nghiệp trồng người* để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội phát triển tốt đẹp. Xưa, ông cha ta đã nói "hiền tài là nguyên khí của quốc gia"; nay, ta lại khẳng định "giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu" – những điều đó không thể không liên quan đến truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta. Tôn sư trọng đạo đã trở thành một đạo lí, một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta chính là như thế. Nó là sức mạnh tinh thần, tình cảm lớn lao và bền vững của dân tộc để góp phần xây dựng nên một nước Việt Nam văn hiến và giàu mạnh.

Truyền thống tốt đẹp đó đã được nhân dân ta kế thừa và phát huy trong cuộc sống hiện nay. Trên khắp đất nước, ở đâu cũng vậy, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược, người dân Việt Nam đều yêu quý, tôn trọng ông thầy, đều dành cho thầy những tình cảm ưu ái nhất, đặc biệt là lòng biết ơn sâu sắc thầy đã dạy dỗ con cái họ nên người. Trong hoàn cảnh nước nhà còn nghèo, đời sống thầy giáo còn nhiều khó khăn, họ đã tận tình giúp đỡ thầy một cách chân thành và cảm động. Các dân tộc vùng cao đã coi các thầy giáo, cô giáo miền xuôi lên dạy học như người con của quê hương mình. Người thầy

được tôn vinh thì nghề dạy học cũng được coi trọng. Không phải ngẫu nhiên mà giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, và ngày 20-11 hàng năm đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân để tôn vinh người thầy và nghề dạy học cao quý. Hình ảnh cha mẹ học sinh tặng hoa các thầy, cô giáo trong ngày 20-11, và cả những cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước đến thăm các thầy giáo cũ đã nói lên sâu sắc truyền thống và đạo lí cao đẹp đó. Từ một đạo lí truyền thống của dân tộc, *tôn sư trọng đạo* đã mang một ý nghĩa cách mạng mới trong thời đại ngày nay gắn liền với tư tưởng "trồng người" của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó không chỉ là đạo lí, tình cảm mà còn là tinh thần, sức mạnh, hành động cách mạng để đưa đất nước đi lên ngày càng giàu mạnh, văn minh. Đó là nét mới của truyền thống tôn sư trọng đạo trong cuộc sống hiện nay của nhân dân ta.

Bước sang thế kỉ XXI, cuộc sống có nhiều đổi mới kéo theo sự đổi mới của giáo dục, của vai trò người thầy và nghề dạy học. Trên cơ sở kế thừa, giữ gìn những mặt tốt đẹp của truyền thống, chúng ta cần biết phát huy và vận dụng đạo lí *tôn sư trọng đạo* một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng mới để đạt kết quả tốt đẹp nhất.

ĐỀ 32

***Hưởng ứng đợt thi đua* Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp *do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động, chi đoàn lớp 10A tổ chức hội thảo với chủ đề:* Hãy vì một mái trường xanh, sạch, đẹp.**

Em hãy viết bài tham gia hội thảo đó.

- **Xây dựng lập luận**

1. Vì sao phải xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. *(luận điểm 1)*

- Môi trường là nơi con người sống, làm việc, hoạt động.

- Môi trường sống lí tưởng gồm ba yếu tố: xanh, sạch, đẹp.

- Xây dựng môi trường để sống tốt, làm việc có hiệu quả cao.

2. Thực tế trường học của chúng ta hiện nay như thế nào? *(luận điểm 2)*

- Những mặt tốt (đối chiếu với ba yêu cầu: xanh, sạch, đẹp)

- Những mặt chưa tốt (đối chiếu với ba yêu cầu: xanh, sạch, đẹp)

- Nguyên nhân (chủ quan, khách quan).

3. Làm thế nào để trường chúng ta xanh, sạch, đẹp? *(luận điểm 3)*

- Để đạt yêu cầu *xanh*, phải làm gì?

- Để đạt yêu cầu *sạch*, phải làm gì?

- Để đạt yêu cầu *đẹp*, phải làm gì?

- **Lựa chọn phương pháp**

Phương pháp lập luận thích hợp là giải thích, kết hợp với bàn luận:

- Luận điểm 1 dùng lập luận giải thích.
- Luận điểm 2 dùng lập luận chứng minh.
- Luận điểm 3 chủ yếu là bàn luận.

BÀI LÀM

Con người bao giờ cũng sống trong một môi trường nhất định. Môi trường ấy ban đầu có thể tốt, nhưng do không biết bảo vệ nên trở thành xấu. Ngược lại, có khi môi trường xấu, nhưng biết cách cải tạo, bồi đắp, giữ gìn lại trở nên tốt. Vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường để sống là rất quan trọng. Chính vì thế, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã đề ra phong trào thi đua *Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.*

Vì sao phải xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp? Môi trường là nơi con người sống, làm việc, hoạt động, được tạo nên bằng hai yếu tố: thiên nhiên và con người. Thiên nhiên gồm bầu trời, không khí, rừng núi, sông biển, thảo nguyên, cánh đồng và nhất là cây xanh. Thiên nhiên đó nhờ con người mà tốt hơn lên hoặc xấu đi. Vì vậy phải xây dựng một môi trường lí tưởng để sống. Môi trường ấy gồm ba chữ: *xanh, sạch, đẹp.*

Một môi trường lí tưởng trước hết phải là một *môi trường xanh*. Đây là chiếc nôi xanh của cây cối xung quanh ta, được ví như "lá phổi của hành tinh", như "cái máy điều hòa khí hậu vĩ đại" của chúng ta. Cây xanh làm cho khí hậu điều hòa mát mẻ, lọc khí độc trong không khí, hấp thụ thán khí và cung cấp

dưỡng khí, cản bụi đường, làm hàng rào cách li tiếng động, tạo ra cho con người một môi trường sống thoải mái, dễ chịu, hợp vệ sinh.

Môi trường xanh ấy đồng thời phải là *môi trường sạch và đẹp*. *Sạch* ở đây là hợp vệ sinh, không có rác rưởi, vật ô uế như xác chết động vật, đặc biệt là các chất phế thải công nghiệp như nước thải và khí thải gây ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường sống của con người. Còn *đẹp* vốn là một nhu cầu trong cuộc sống mà ai cũng có. Một môi trường đẹp sẽ tác động mạnh đến tâm lí con người khiến họ yêu đời, ham sống hơn và nhất là thích thú, gắn bó với môi trường đẹp ấy. Chính vì môi trường đẹp mà con người sống tốt hơn.

Ba yếu tố xanh, sạch, đẹp liên quan gắn bó với nhau để tạo ra một môi trường sống lí tưởng. Nếu có cây cối xanh xung quanh mà không khí và nguồn nước vẫn bị ô nhiễm thì "cái nôi xanh" ấy cũng chẳng có giá trị gì. Ngược lại, có những nơi rất sạch và đẹp nhưng lại thiếu màu xanh của cây cối thì cái "sạch" và "đẹp" ấy cũng khó lòng làm cho cuộc sống tốt hơn. Cho nên xây dựng một môi trường sống tốt đẹp là phải có đủ cả ba yếu tố xanh, sạch, đẹp. Môi trường ấy không chỉ đảm bảo sức khỏe mà còn làm cho con người thoải mái để sống tốt hơn và làm việc có hiệu quả cao hơn.

Đối chiếu với ba yêu cầu xanh, sạch, đẹp trên đây, nhìn lại thực tiễn của trường hiện nay, chúng ta thấy gì? Do hoàn cảnh khách quan, chúng ta chỉ mới thực hiện được hai yêu cầu *sạch*, *đẹp*, còn yêu cầu *xanh* mới đạt được bước đầu. Những đợt tổng vệ sinh hàng tuần với khẩu hiệu "không vứt rác trên sân trường", "không vẽ bậy trên tường", ... đã làm cho trường sạch sẽ, tinh tươm như khoác lên mình một tấm áo mới. Những lối đi rải sỏi, xếp gạch nghiêng hai bên như trong công viên, những

vườn hoa, những luống hoa khoe màu rực rỡ và hai hồ sen nhỏ tỏa hương thơm ngát đã tạo nên vẻ đẹp thanh tú đáng yêu cho trường. Nhưng còn màu xanh, cái màu xanh mát mắt mát lòng của quê hương Việt Nam thì vẫn chưa in bóng trên khu trường bởi trường mới được xây dựng từ hai năm nay trên một vùng đất trống cạnh làng. Nhà trường đã phát động mỗi lớp trồng 20 cây xanh xung quanh trường và trên sân trường, đến nay cây đã cao bằng đầu người. 30 lớp của ba khối 10, 11, 12, nếu cây sống cả thì đã có 600 cây. Và chỉ dăm năm sau, trường sẽ có một "vành đai xanh" bao quanh và thế hệ đàn em chúng ta sẽ được học tập vui chơi trong "chiếc nôi xanh" như một cái máy điều hòa khí hậu của thiên nhiên mà chính chúng ta đã gieo trồng, chăm sóc từ ngày bước vào ngôi trường này ...

Trên cơ sở những kết quả bước đầu đã đạt được, chúng ta sẽ tiếp tục những việc làm đó một cách bền bỉ, thường xuyên với một tinh thần trách nhiệm cao hơn, và nhất là với một ý thức rõ ràng *Hãy vì một mái trường xanh, sạch, đẹp* để làm cho ngôi trường thân yêu mãi mãi rợp bóng cây xanh và tỏa hương thơm ngát từ những vườn hoa rực rỡ sắc màu ...

(Bài tham luận của em Nguyễn Thảo Minh Phương, học sinh lớp 10A, phó bí thư chi đoàn, trường THPT tỉnh Bắc Ninh)

ĐỀ 33

Học bài thơ* Thuật hoài *của Phạm Ngũ Lão, có bạn cho rằng: sự hổ thẹn của tác giả là thái quá, kiêu kì. Ngược lại, có bạn ngợi ca và cho rằng đó là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước.

Hãy cho biết ý kiến của em.

- **Luận điểm**

1. Phản bác ý kiến cho rằng sự hổ thẹn của tác giả là thái quá, kiêu kì.

2. Tán thành ý kiến cho rằng đó là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước.

- **Phương pháp**

Phân tích và chứng minh (kết hợp với bàn luận nêu ý kiến phản bác và tán thành của mình).

BÀI LÀM

Thuật hoài là một bài thơ hay của Phạm Ngũ Lão, nhưng vì đạt tới độ súc tích cao nên dễ có những cảm nhận khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

Có bạn cho rằng: sự hổ thẹn của tác giả là thái quá, kiêu kì. Vì sao bạn đó lại nghĩ như vậy về Phạm Ngũ Lão? Theo tôi, có lẽ bạn chỉ căn cứ vào câu thơ cuối mà quên đặt nó trong hệ thống lôgic của sự phát triển tứ thơ (mạch thơ) trong toàn bài:

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

Và khi đọc câu thơ này, chắc bạn bị ám ảnh bởi hai chữ *Vũ hầu* (tức Gia Cát Lượng, một mưu sĩ xuất chúng của Lưu Bị thời Tam quốc), cho rằng Phạm Ngũ Lão thì làm sao có thể sánh với Gia Cát Lượng được? Viết câu thơ này là muốn mình cũng như Gia Cát Lượng: đó là một sự "chơi trội", một sự kiêu kì của tác giả. Thật ra có phải như vậy không? Nếu chỉ tách riêng câu thơ để xét thì cũng không thể gán cho tác giả là kiêu kì vì rõ ràng trong câu thơ có chữ *"thẹn"*. Đã thẹn với người khác thì làm sao còn kiêu kì được? Câu này có cái *tứ* giống như câu thơ của Nguyễn Khuyến sau này:

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào

Nguyễn Khuyến định làm thơ nhưng lại thẹn với Đào Tiềm có khác gì Phạm Ngũ Lão chưa trả xong nợ công danh của người nam nhi thẹn với Vũ hầu? Cả hai đều không có gì là kiêu kì cả. Đây chỉ là nỗi thẹn bộc lộ rõ nhân cách của hai nhà thơ trước người xưa.

Còn nếu xét trong hệ thống phát triển lôgic của tứ thơ toàn bài thì lại càng thấy ở câu cuối không hề có cái ý kiêu kì đó. Cả bài thơ là biểu hiện một hoài bão lớn lao của người thanh niên yêu nước được bày tỏ (*Tỏ lòng*) thật chân thành, xúc động và cũng thật đẹp:

- Câu 1: Tư thế người nam nhi cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu,

- Câu 2: Khí thế ba quân như hổ báo, hùng dũng nuốt trôi trâu.

- Câu 3: Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh,

- Câu 4: Thì lướng thẹn khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu.

Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh một trang nam nhi với tư thế đẹp, hoài bão lớn, chỉ khi anh hùng nên nỗi "thẹn" cũng rất đẹp. Lôgic phát triển của tứ thơ đã nói lên điều đó: có tư thế anh hùng trấn giữ non sông, lại được tắm mình trong hùng khí của ba quân, vậy mà vẫn chưa trả xong nợ công danh của người làm trai thì thẹn biết bao khi nghe chuyện Vũ hầu. Nỗi thẹn này tất yếu phải đến, phải có với người trai anh hùng mang hoài bão lớn như Phạm Ngũ Lão. Nó không kiêu kì, cũng không hạ thấp, mà trái lại, đã tôn cao nhân cách nhà thơ.

(Bài làm của Lê Phương Anh,
học sinh trường Nguyễn Gia Thiều, Gia Lâm, Hà Nội)

MỤC LỤC

		Trang
• *Lời nói đầu*		5
• **Phần I**: VĂN BIỂU CẢM		
Đề 1:	Cảm nghĩ của em trong những ngày đầu tiên bước vào trường trung học phổ thông	8
Đề 2:	Cảm nghĩ của em về thiên nhiên và đời sống của con người trong thời khắc chuyển mùa từ hạ sang thu	11
Đề 3:	Cảm nghĩ của em khi mùa xuân đến	15
Đề 4:	Nêu cảm nghĩ của em về truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng	16
Đề 5:	Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải	21
	Đọc thêm: Sắc xuân trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*	25
• **Phần II: VĂN TỰ SỰ**		29
Đề 6:	Cây bút thần kể lại chuyện đời mình khi gặp chú bé họa sĩ (truyện cổ tích *Cây bút thần* của Trung Quốc)	30
Đề 7:	Cuộc phiêu lưu trong thế giới truyện cổ dân gian	33
Đề 8.	Từ nội dung truyện cổ tích *Tấm Cám*, xây dựng và kể một truyện cổ tích mới của cô Tấm ngày nay	36
Đề 9:	Cây lau bến bờ sông Hoàng Giang kể lại chuyện Vũ Nương tự vẫn	39
Đề 10:	Que diêm kể lại chuyện *Cô bé bán diêm*	41
Đề 11:	Kể lại một kỉ niệm sâu sắc về cô giáo chủ nhiệm của em (kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm)	44
Đề 12:	Tưởng tượng mười năm sau em về thăm lại trường cũ của mình và kể lại câu chuyện đó	46
Đề 13:	Kể lại một giờ học đã gây xúc động trong em về cô giáo dạy mình (có yếu tố hư cấu)	50
Đề 14:	Kể về "người mẹ thứ hai" ở trường của em (có yếu tố hư cấu)	52
Đề 15:	Kể một kỉ niệm sâu sắc về ông bà của em (có yếu tố hư cấu)	54

- **Phần III: VĂN THUYẾT MINH** 56

Đề 16: Thuyết minh vai trò của cây cối trong việc bảo vệ môi trường sống 57

Đề 17: Tác hại của việc hủy diệt động vật hoang dã 59
Giới thiệu một di tích lịch sử của đất nước

Đề 18: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh của đất 63

Đề 19: nước được UNESCO công nhận là di sản thiên 65
nhiên thế giới

Đề 20: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở địa phương. 67

Đề 21: Giới thiệu một sản phẩm thủ công mĩ nghệ của 68
đất nước

Đề 22: Giới thiệu một sản phẩm đã thành biểu tượng 71
của Việt Nam

Đề 23: Giới thiệu một đặc sản đậm đà hương vị đất nước 74

Đề 24, 25: Giới thiệu một lễ hội ở Việt Nam. 76

Đề 26: Thuyết minh truyện *Người con gái Nam Xương* 80

Đề 27: Thuyết minh truyền thuyết *An Dương Vương và* 83
Mị Châu – Trọng Thủy

Đề 28: Thuyết minh truyện cổ tích *Tấm Cám* 85

Đề 29: Thuyết minh về một thể loại thơ của Nhật Bản 87

Đề 30: Thuyết minh về thể loại truyện ngắn qua một số 88
truyện đã học

- **Phần IV: VĂN NGHỊ LUẬN** 90

Đề 31: Nghị luận về truyền thống "tôn sư trọng đạo" của 91
dân tộc ta

Đề 32: Nghị luận về chủ đề "Hãy vì một mái trường 95
xanh, sạch, đẹp"

Đề 33: Nghị luận về bài thơ *Thuật hoài (Tỏ lòng)* của 99
Phạm Ngũ Lão

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9714896; (04) 9724770; Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: THÁI DƯƠNG - THANH NGA
Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

NHỮNG BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU LỚP 10

Mã số: 2L- 13 ĐH2006
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Xưởng in Công ty Phát triển Công nghệ Truyền hình Tp. HCM
Số xuất bản: 639 - 2006/CXB/8 - 120/ĐHQGHN, ngày 17/08/2006
Quyết định xuất bản số: 262 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.